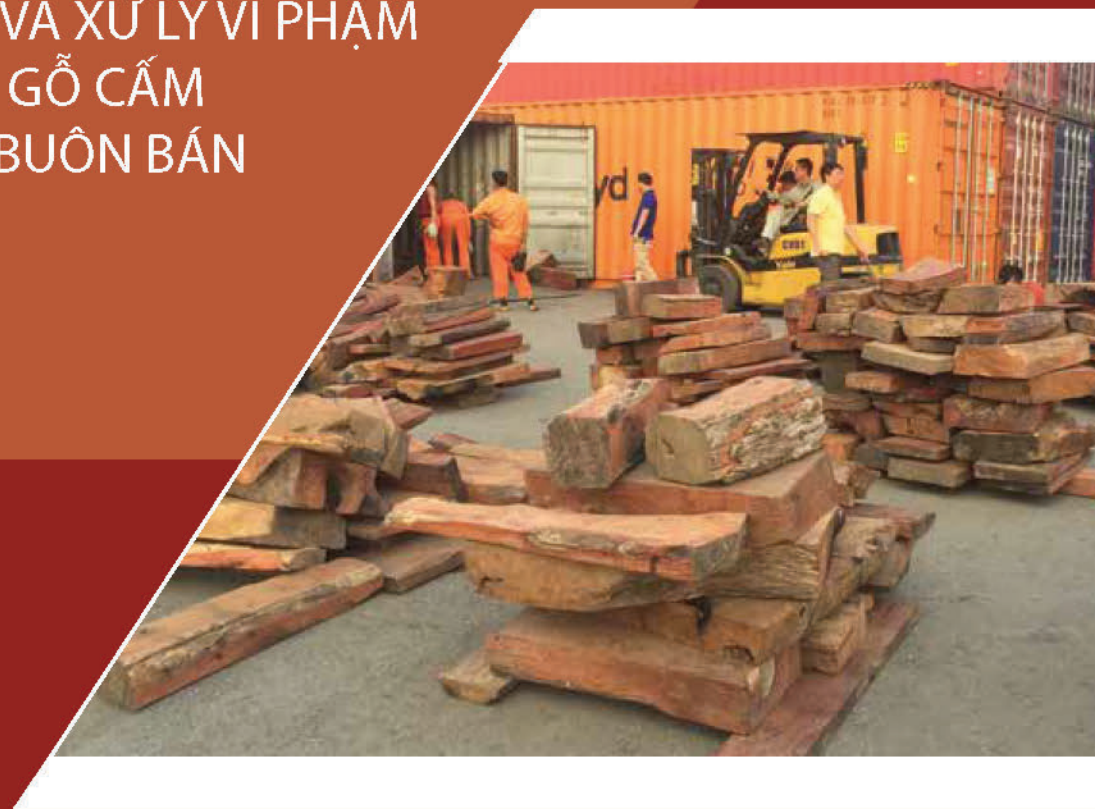


HƯỚNG DẪN

NHẬN DẠNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM
NHỮNG LOẠI GỖ CẮM
VÀ HẠN CHẾ BUÔN BÁN





MỤC LỤC

1. PHẠM VI TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN	1
2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC LOẠI GỖ CẤM, HẠN CHẾ BUÔN BÁN Ở VIỆT NAM... 1	1
2.1. Các chính sách có liên quan.....	1
2.2. Chế biến và thương mại.....	3
2.3. Xuất nhập khẩu gỗ nguy cấp, quý, hiếm	5
3. TỔ CHỨC NHẬN DẠNG GỖ Ở VIỆT NAM VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	8
4. HƯỚNG DẪN XỬ LÝ VI PHẠM	9
4.1. Thế nào là gỗ hợp pháp?.....	9
4.2. Thế nào là hồ sơ lâm sản hợp pháp?.....	10
4.3. Kiểm tra nguồn gốc lâm sản (gỗ) như thế nào?	11
4.4. Kiểm tra gỗ trên lãnh thổ Việt Nam	12
4.5. Kiểm tra gỗ nhập khẩu tại cửa khẩu	13
4.6. Trưng cầu cơ quan có chức năng giám định	14
4.7. Xử lý vi phạm hành chính.....	14
4.8. Hành vi vi phạm được xem xét để truy cứu trách nhiệm hình sự.....	16
4.9. Điều tra hình sự của cơ quan Hải quan và Kiểm lâm	17
5. HƯỚNG DẪN NHẬN DẠNG GỖ.....	18
5.1. Một số khái niệm và thuật ngữ sử dụng trong nhận dạng gỗ	18
5.2. Mẫu phiếu mô tả.....	25
5.3. Lấy mẫu và nhận dạng	26
5.4. Bản mô tả cấu tạo cho 35 loại gỗ	32
TÀI LIỆU THAM KHẢO	33

Các loài cây gỗ quý, hiếm đều phân bố tự nhiên và là một bộ phận không thể thiếu của các hệ sinh thái rừng tự nhiên. Việc khai thác những loại gỗ này ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái rừng, đến nguồn gen, sau đó là đến môi trường sinh thái. Khai thác đồng nghĩa với việc xóa sổ cây gỗ đó, do sự phục hồi là vô cùng khó khăn, thậm chí là không thể. Áp lực đối với sự sống còn của loài thực vật nguy cấp, quý hiếm ngày càng lớn do môi trường sống bị thu hẹp, ô nhiễm môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu.

Đã từ lâu, khai thác, buôn bán gỗ quý, hiếm diễn ra phức tạp với nhiều hình thức, phạm vi rộng, việc kiểm soát rất khó khăn. Nhiều tổ chức quốc tế ra đời nhằm cùng với các nước bảo tồn, ngăn chặn việc khai thác và buôn bán bất hợp pháp những loại gỗ quý, hiếm trên phạm vi toàn cầu như TRAFFIC, WWF, GIZ.

Việt Nam cũng là quốc gia sớm tham gia Công ước Liên hợp quốc về đa dạng sinh học và Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp CITES.

Những năm qua, Chính phủ và các Bộ đã ban hành hàng loạt các văn bản thực thi pháp luật về bảo vệ rừng nói chung và thực vật quý hiếm nguy cấp ở nước ta nói riêng. Để thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này, Chính phủ Việt Nam đã ưu tiên thành lập các lực lượng chuyên trách như: Kiểm lâm, Cảnh sát môi trường, Hải quan, Bộ đội biên phòng, Quản lý thị trường... Tuy nhiên nhân lực chuyên trách trong các lực lượng này còn mỏng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ không đồng đều. Ngoài ra, trang thiết bị, dụng cụ, tài liệu chuyên môn hóa để hỗ trợ cho công tác này còn rất thiếu thốn.

Trong công tác quản lý tài nguyên gỗ, kiểm soát việc buôn bán bất hợp pháp về gỗ thì việc nhận dạng loại gỗ có một ý nghĩa quan trọng. Việc nhận dạng gỗ thường là khó, đòi hỏi kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và những công cụ hỗ trợ cần thiết như tài liệu về nhận dạng gỗ.

Bản Hướng dẫn này được biên soạn để giúp cho các lực lượng chuyên trách trong các lực lượng Kiểm lâm, Hải quan ở các địa phương và các cửa khẩu có khả năng phân tích và nhận dạng được một số loại gỗ quý, hiếm thường xuyên bị buôn bán khi kiểm tra, kiểm soát gỗ vận chuyển, xuất, nhập khẩu nhằm xử lý để ngăn chặn những hành vi buôn bán bất hợp pháp.

Bản Hướng dẫn gồm 4 nội dung chính sau: (i) Đánh giá chung về các loại gỗ cấm hoặc hạn chế buôn bán ở Việt Nam; (ii) Tổ chức nhận dạng gỗ ở Việt Nam và địa chỉ liên hệ; (iii) Hướng dẫn xử lý vi phạm và (iv) Hướng dẫn nhận dạng gỗ.

2 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC LOẠI GỖ CẤM, HẠN CHẾ BUÔN BÁN Ở VIỆT NAM

2.1. CÁC CHÍNH SÁCH CÓ LIÊN QUAN

a) Luật

- Luật Bảo vệ và phát triển rừng đầu tiên được ban hành năm 1991, sau được thay thế bằng Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004. Hiện nay đã có Dự thảo sửa đổi để thay thế luật hiện hành.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính, ban hành ngày 02/7/2012.
- Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, ban hành ngày 26/11/2015.

b) Các Nghị định của Chính phủ

Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006

về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013

về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Nghị định số 11/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002

về việc quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã.

Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006

về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trường và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013

quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013

về quy định xử phạt hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015

về sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013.

Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017

về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi; thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng; phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.



**Quyết định số 04 / 2004 / QĐ - BNN - LN
ngày 02/2/2004**

về ban hành Quy chế về khai thác gỗ và lâm sản khác.

Quyết định 44/2006/QĐ-BNN ngày 1/6/2006

về việc ban hành quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm.

Thông tư số 88/2011/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2011

về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

**Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày
04/01/2012**

quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT

về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

**Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày
28/6/2016**

về quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

**Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24
tháng 02 năm 2017**

về ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (thay thế Thông tư 40/2013/TT-BNNPTNT ngày 5/9/2013).

Thông tư số 04/2017/
TT-BNNPTNT ngày 24
tháng 02 năm 2017Thông tư số 21/2016/TT-BNNPT-
NT ngày 28/6/2016

Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT

Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012

Thông tư số 88/2011/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2011

Quyết định 44/2006/QĐ-BNN ngày 1/6/2006

Quyết định số 04/2004/QĐ-BNN-LN ngày 02/2/2004

d) Chính sách về những loài cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm:

Chính sách của Chính phủ liên quan đến những loài cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm được thể hiện tại Điều 3, Nghị định 32/2006:

- Nhà nước đầu tư để quản lý, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm tại các khu rừng đặc dụng, các hoạt động cứu hộ đối với thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm bị xử lý tịch thu.
- Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư quản lý, bảo vệ và phát triển thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

e) Chính sách ưu tiên thương mại về những loài gỗ nguy cấp, quý, hiếm

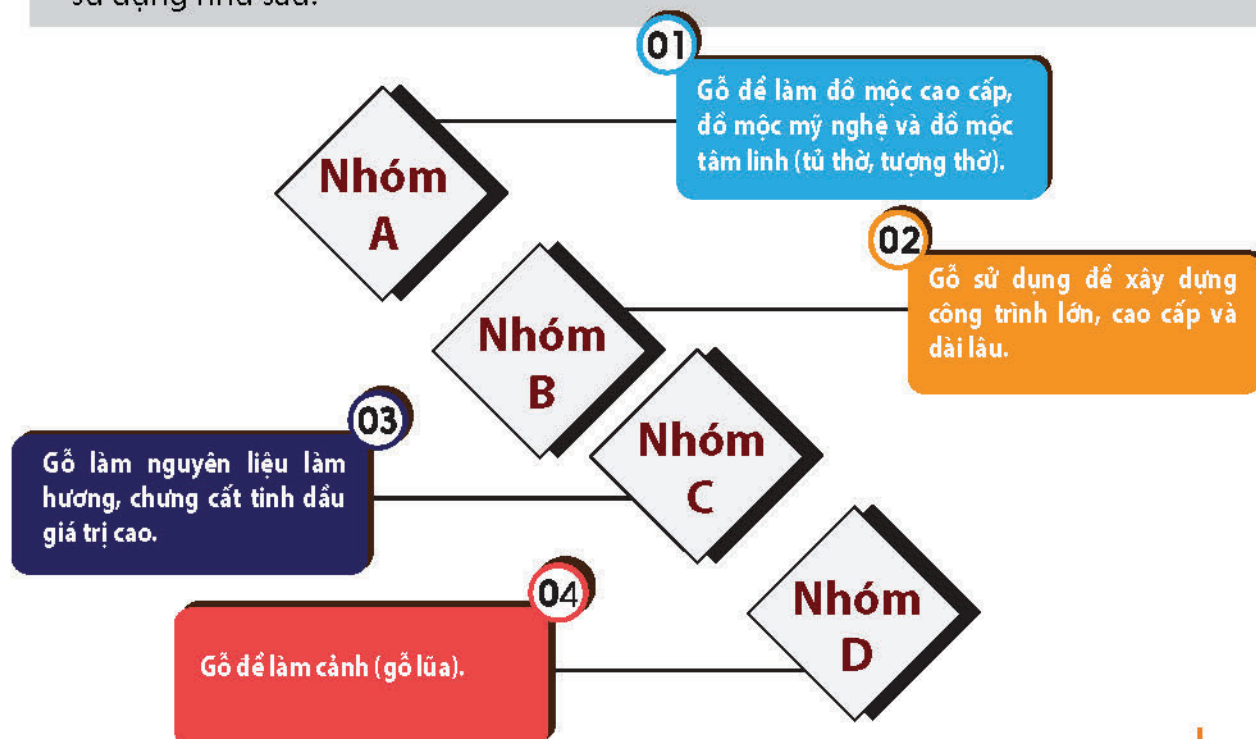
Đến nay Chính phủ Việt Nam không có chính sách ưu tiên bất cứ loại gỗ nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên quy định tại Nghị định 32/2006 và danh mục CITES để thương mại.

Ghi chú:

Các văn bản pháp luật sử dụng trong tài liệu này có thể tham khảo trên trang Web của Thư viện pháp luật có địa chỉ <https://thuvienphapluat.vn/>

2.2. CHẾ BIẾN VÀ THƯƠNG MẠI

Chỉ những loại gỗ nguy cấp, quý, hiếm nếu có giá trị kinh tế cao mới được chế biến và thương mại. Sản phẩm chế biến có thể tổng hợp theo nhóm mục đích sử dụng như sau:



2

Những loại gỗ cây lá kim thuộc nhóm nguy cấp, quý, hiếm được khai thác, chế biến và thương mại tập trung vào một số ít loài như Hoàng đàn (*Cupressus torulosa*), Bách xanh (*Calocedrus macrolepis*), Pơ mu (*Fokienia hodginsii*) và Sa mu dầu (*Cunninghamia konishii*). Những loại gỗ này được dùng cho mục đích A, C và D.

Hầu hết những loại gỗ cây lá rộng thuộc nhóm nguy cấp, quý, hiếm đều đáp ứng được cả 4 nhóm sản phẩm nêu trên.

Gỗ cho nhóm mục đích A

Các loại gỗ bền và đẹp như Sưa (*Dalbergia tonkinensis*), Trắc (*Dalbergia cochinchinensis*), Cẩm lai (*Dalbergia oliveri*), Giáng hương (*Pterocarpus macrocarpus*), Gụ (*Sindora spp.*), Gõ đỏ (*Azelia xylocarpa*).

Gỗ cho nhóm mục đích B

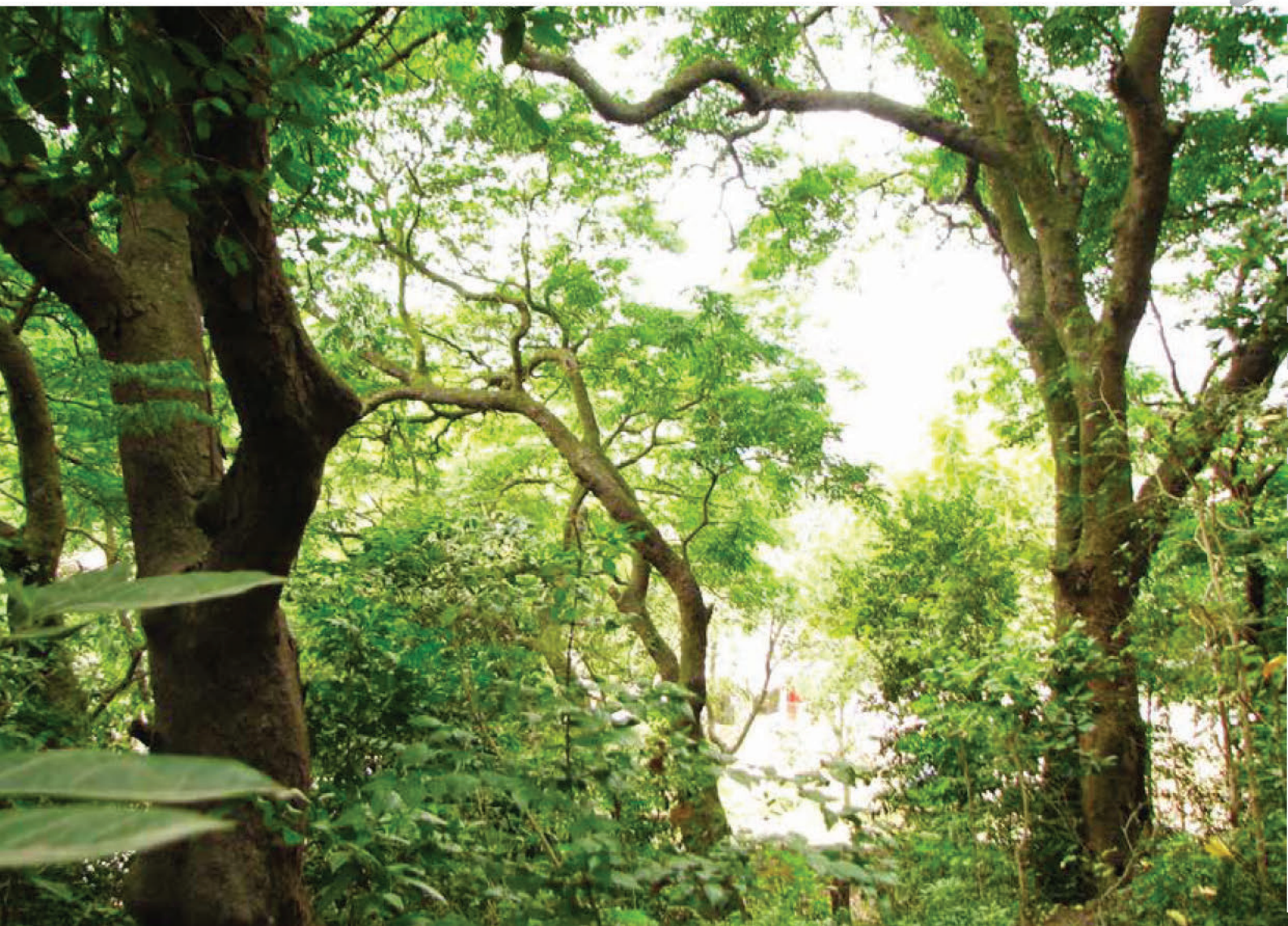
Các loại gỗ có cường độ chịu lực cao, bền như Lim xanh (*Erythrophleum fordii*), Trai lý (*Garcinia fagraeoides*), Nghiến (*Excentrodendron tonkinensis*).

Gỗ cho nhóm mục đích C

Các loại gỗ có tinh dầu như Vù hương (*Cinnamomum parthenoxylon*), Re xanh phần (*C. glaucescens*), Gù hương (*C. balansae*), Trâm (*Aquilaria crassana*)..

Gỗ cho nhóm mục đích D

Gốc rễ của các loại gỗ quý, hiếm.



Tình trạng bảo tồn, nguồn gốc, mục đích sử dụng và mức độ sử dụng và thương mại những loại gỗ quý, hiếm ở Việt Nam

Số TT	Loại gỗ	Tên khoa học	Tình trạng bảo tồn	Nguồn	Mục đích sử dụng	Mức độ SD và TM
1	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis</i>	IIA	TN,NK	A,C,D	TX
2	Bách xanh đá	<i>C. rupestris</i>	IIA	TN	?	TT
3	Sa mu dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>	IIA	TN	A,C	TT
4	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>	IA	TN	A	TT
5	Pơ mu	<i>Foklenia hodginsii</i>	IIA	TN,NK	A,B	TX
6	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>	IA	TN	A	TT
7	Du sam	<i>Keteleeria evelyniana</i>	IIA	TN	?	I
8	Thông đả lạt	<i>Pinus dalatensis</i>	IIA	TN	?	I
9	Thông pà cò	<i>P. kwangtungensis</i>	IA	TN	?	I
10	Bách đãi loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>	IA	TN	A	I
11	Thông đỏ bắc	<i>Taxus chinensis</i>	IIA	TN	?	I
12	Thông đỏ nam	<i>T. wallichiana</i>	IA	TN	A	I
13	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>	IA	TN	A	I
14	Gỗ đỏ	<i>Afzelia xylocarpa</i>	IIA	TN,NK	A,B,D	TX
15	Trầm	<i>Aquilaria crassana</i>	CII	TN	C	TX
16	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i>	IIA	TN	A,C,D	TT
17	Re xanh phần	<i>C. glaucescens</i>	IIA	TN	A,C,D	TT
18	Vù hương	<i>C. parthenoxylon</i>	IIA	TN	A,C,D	TT
19	Cẩm lai	<i>Dalbergia oliveri</i>	IIA	TN,NK	A,B,D	TX
20	Trắc	<i>D. cochinchinensis</i>	IIA	TN,NK	A,B,D	TX
21	Trắc dây	<i>D. rimosa</i>	IIA	TN		TX
22	Sưa	<i>D. tonkinensis</i>	IA	TN	A,B	TX
23	Mun sọc	<i>Diospyros salletii</i>	IA	TN,NK	A	TX
24	Lìm xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i>	IIA	TN,NK	B	TX
25	Nghiễn	<i>Excentrodendron tonkinensis</i>	IIA	TN	B	TX
26	Trại lý	<i>Garcinia fagraeoides</i>	IIA	TN	B	TX
27	Thiết đình	<i>Markhamia stipulata</i>	IIA	TN	B	TT
28	Giáng hương	<i>Pterocarpus macrocarpus</i>	IIA	TN,NK	A,B,D	TX
29	Gụ mật	<i>Sindora siamensis</i>	IIA	TN,NK	A,B	TX
30	Gụ lau	<i>S. tonkinensis</i>	IIA	TN,NK	A,B	TX
31	Gỗ thánh	<i>Bulnesia sarmentol</i>	CII	NK	A,B	TX
32	Lat mêhicô	<i>Cedrela odorata</i>	CIII	NK		TT
33	Trắc đen	<i>Dalbergia nigra</i>	CI	NK	A	TX
34	Giáng hương santa	<i>Pterocarpus santalinus</i>	CII	NK	A	TX
35	Cẩm tím	<i>Peltogyne spp.</i>		NK	A,B	TX

Ghi chú:

Tình trạng bảo tồn: "IA", "IIA" là chỉ nhóm gỗ theo Nghị định 32/2006/ND-CP; "CI", "CII", "CIII" là chỉ phụ lục theo Thông tư 04/2017/TT-BNNPTNT;

Mục đích sử dụng: "A", "B", "C" được giải thích ở 2.2; "?" là cho gỗ mục đích khác.

Nguồn gốc: "TN" là gỗ từ rừng tự nhiên; "NK" là gỗ chỉ từ nguồn nhập khẩu;

Mức độ: "TX" chỉ mức độ thường xuyên, "TT" thỉnh thoảng và "I" ít khi.



2.3. XUẤT NHẬP KHẨU GỖ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

Gỗ và sản phẩm gỗ nguy cấp, quý, hiếm thường được xuất hay nhập khẩu dưới các dạng sau:

Gỗ tròn:

Gỗ cây (khúc gỗ dài), gỗ khúc còn vỏ, có dác hoặc không.

Gỗ xẻ:

Gỗ xẻ thành hộp, ván hay thanh.

Ván gỗ mỏng:

Chủ yếu ván gỗ lạng dùng để dán phủ bề mặt trên ván gỗ nhân tạo như ván dăm, ván MDF, ván ghép thanh...

Dăm gỗ:

Dăm mảnh nhỏ chủ yếu để sản xuất hương hoặc chưng cất tinh dầu thơm.

Bột gỗ:

Gỗ được nghiền nhỏ làm nguyên liệu sản xuất hương.

Gỗ hình thù phức tạp:

gỗ gốc, rễ, gỗ tận thu (cành nhánh, bìa bắp).

Sản phẩm gỗ:

phần lớn là đồ mộc cao cấp, đồ mộc mỹ nghệ.



Nhập khẩu gỗ



Các loài gỗ nhập khẩu từ Lào và Campuchia chủ yếu là gỗ Trắc (*Dalbergia* spp.), Giáng hương (*Pterocarpus macrocarpus*), Gỗ đỏ (*Afzelia xylocarpa*), Gụ (*Sindora* spp.), Lim (*Erythrophleum fordii*) và dưới dạng gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ có hình thù phức tạp.



Gỗ nhập khẩu từ Ấn Độ là loại gỗ Giáng hương santa (*Pterocarpus santalius*) dưới dạng gỗ tròn.



Gỗ nhập khẩu từ châu Mỹ Latinh và châu Phi thường là Trắc đen (*Dalbergia nigra*), Gỗ thánh (*Bulnesia sarmientoa*), Gỗ guibourtia (*Guibourtia* spp.) dưới dạng gỗ tròn, gỗ xẻ; gỗ Dải ngựa (*Swietenia macrophylla*), Lát méhico (*Cedrela odorata*) thường ở dạng ván mỏng (ván lạng).



Gỗ xuất khẩu bao gồm gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ tận thu, dăm gỗ, đồ gỗ cao cấp, đồ gỗ mỹ nghệ từ nguồn gỗ nhập khẩu (từ Lào và Campuchia) và nguồn gỗ nội địa.



Trung Quốc là nước nhập khẩu gỗ chính (gỗ tròn, gỗ xẻ, sản phẩm gỗ) từ Việt Nam và chủ yếu tập trung vào một số loại gỗ như các loại gỗ Trắc (*Dalbergia* spp., trong đó ưa chuộng nhất là gỗ Sưa (*Dalbergia tonkinensis*)), gỗ Giáng hương (*Pterocarpus macrocarpus*), gỗ Gỗ đỏ (*Afzelia xylocarpa*), gỗ Nghiến (*Excentrodendron tonkinensis*).

Xuất khẩu gỗ

Một số hình ảnh gỗ buôn bán bất hợp pháp tại một số cửa khẩu



Ảnh 1. Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ khúc bị thu giữ



Ảnh 2. Các dạng gỗ xẻ bị thu giữ



Ảnh 3. Gỗ hình thù phức tạp bị thu giữ



Ảnh 4. Gỗ dạng dăm và bột bị thu giữ



Ảnh 5. Đồ mộc từ gỗ nhóm IA, IIA bị thu giữ

Tổ chức nhận dạng gỗ

Tổ chức Hợp tác Phát triển kỹ thuật Đức GTZ, hiện nay là Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức đã phối hợp cùng với Mạng lưới kinh doanh Lâm sản Toàn cầu GFTN-Vietnam thuộc Tổ chức Bảo vệ động vật hoang dã thế giới WWF đã phát hành bộ mẫu gỗ cho 18 loại gỗ ít được biết đến tại Việt Nam, đồng thời xuất bản tập tài liệu cùng tên gồm các thông tin: hình ảnh chụp 3 mặt cắt, đặc điểm gỗ, một số tính chất cơ học, khả năng gia công, thông tin về phân loại thực vật, phân bố và mô tả cây cho 17 loại gỗ ít được biết đến của Việt Nam. Các loại gỗ này không thuộc nhóm các loại gỗ nguy cấp, quý, hiếm, cấm hoặc hạn chế buôn bán.

Trong các cơ quan khoa học CITES Việt Nam có ba cơ quan sau liên quan đến hoạt động giám định thực vật và giám định gỗ:



Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Viện này giám định các loài gỗ CITES.



Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Viện thường xuyên giám định cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thực thi pháp luật về buôn bán gỗ như Công an, Kiểm lâm, Hải quan, Biên phòng, Cảnh sát biển,... trong các vụ buôn lậu, gian lận thương mại. Phương pháp giám định kết hợp những đặc điểm cấu tạo thô đại và hiển vi.



Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Trung tâm này chủ yếu giám định gỗ phục vụ nghiên cứu khoa học.



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Nhà 11A, 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.

Tel: +84-24-38360870; Fax: +84-24-38361196

Website: <http://www.iebr.ac.vn/>

Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Đức Thắng Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: +84-4-3838.9031 Fax : +84-4-3838.9722

Website: <http://vafs.gov.vn/vn/>

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

19 Lê Thánh Tông, Hà Nội

Tel: +84 (24) 825 35 06; Fax: +84 (24) 38262932

Website: <http://cres.vnu.edu.vn>

4 HƯỚNG DẪN XỬ LÝ VI PHẠM

4.1

THẾ NÀO LÀ GỠ HỢP PHÁP?

Gỗ được khai thác, chế biến, vận chuyển, mua bán tuân thủ mọi quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam thì được coi là gỗ hợp pháp. Định nghĩa gỗ hợp pháp chỉ nằm trong khuôn khổ quy định luật pháp hiện hành của Việt Nam.

 **Hợp pháp khi khai thác** (xem Điều 6, Khoản 1 của ND 32/2006).

 **Hợp pháp khi vận chuyển, cất giữ gỗ và sản phẩm của nó** (xem Điều 7, ND 32/2006).

 Đầy đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc khai thác hợp pháp (xem Điều 6, ND 32/2006), hoặc

 Giấy tờ khác hợp pháp về xử lý tang vật vi phạm (tịch thu trong các vụ vi phạm hành chính hoặc vụ án hình sự).

 Giấy phép vận chuyển đặc biệt do cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh cấp khi vận chuyển ra ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

 Có dấu búa kiểm lâm theo quy định về quy chế quản lý búa kiểm lâm (xem QĐ 44/2006).

 **Hợp pháp của nguồn gỗ rừng trồng** (xem Điều 8, Khoản 2, ND 32/2006):

Khai thác, vận chuyển, cất giữ gỗ nguy cấp, quý, hiếm từ rừng trồng và sản phẩm của chúng phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc theo quy định của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh, nhập nội từ biển, trồng cấy nhân tạo, nuôi sinh sản các loài thực vật hoang dã, động vật hoang dã nguy cấp.

 **Hợp pháp của nguồn gỗ nhập khẩu thuộc Phụ lục CITES**

Gỗ thuộc Phụ lục của CITES được quy định tại TT 04/2017, khi nhập khẩu phải có giấy phép của cơ quan quản lý CITES.



Cơ quan quản lý CITES Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có địa chỉ:

Số 2 Ngọc Hà – Ba Đình - Hà Nội

Tel: +84 (24) 37335676; Fax: +84 (24) 37346742

Email: cites_vn.kl@mard.gov.vn; ngahtt.ln@mard.gov.vn

Cơ quan đại diện CITES phía Nam

135 Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Tel: +84 (28) 38218206; Fax: +84 (28) 39151120

Email: citesphianam@gmail.com; quan.tcln@gmail.com



Hợp pháp khi chế biến, kinh doanh (xem Điều 9, NĐ 32/2006)



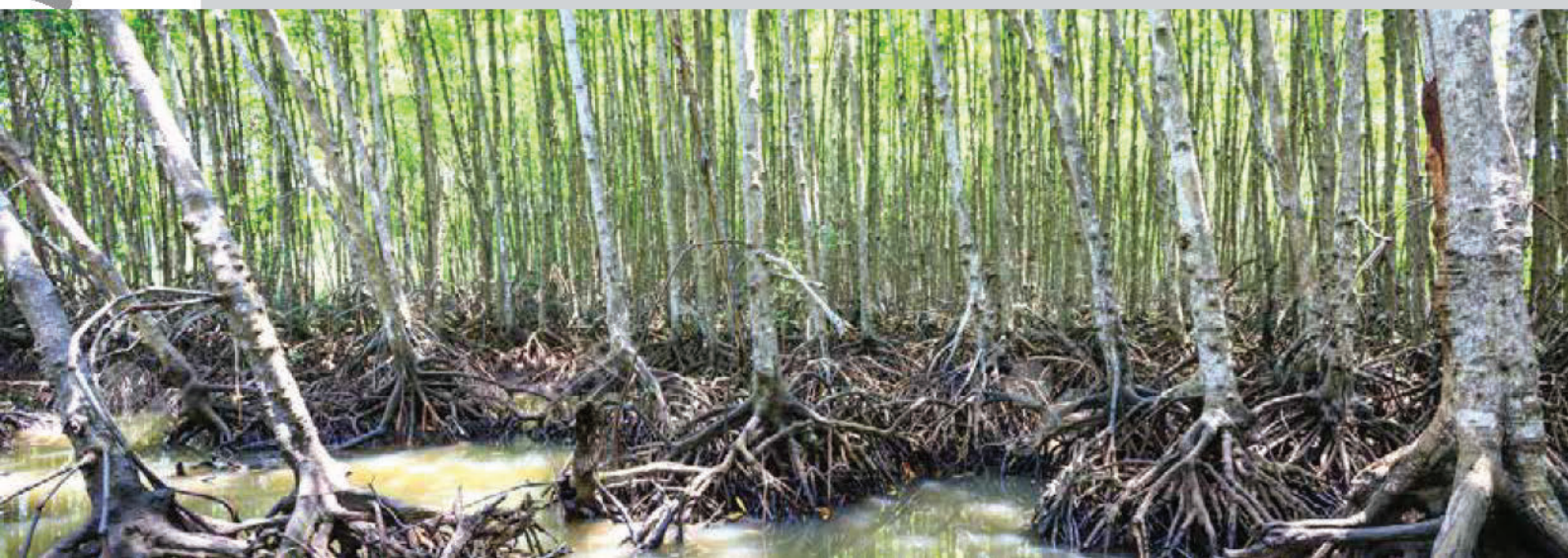
Gỗ Nhóm I A là tang vật xử lý tịch thu theo quy định hiện hành của Nhà nước.



Gỗ Nhóm II A từ tự nhiên và từ rừng trồng có nguồn gốc hợp pháp.



Tổ chức, cá nhân chế biến kinh doanh cần có Có đăng ký kinh doanh về chế biến, kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

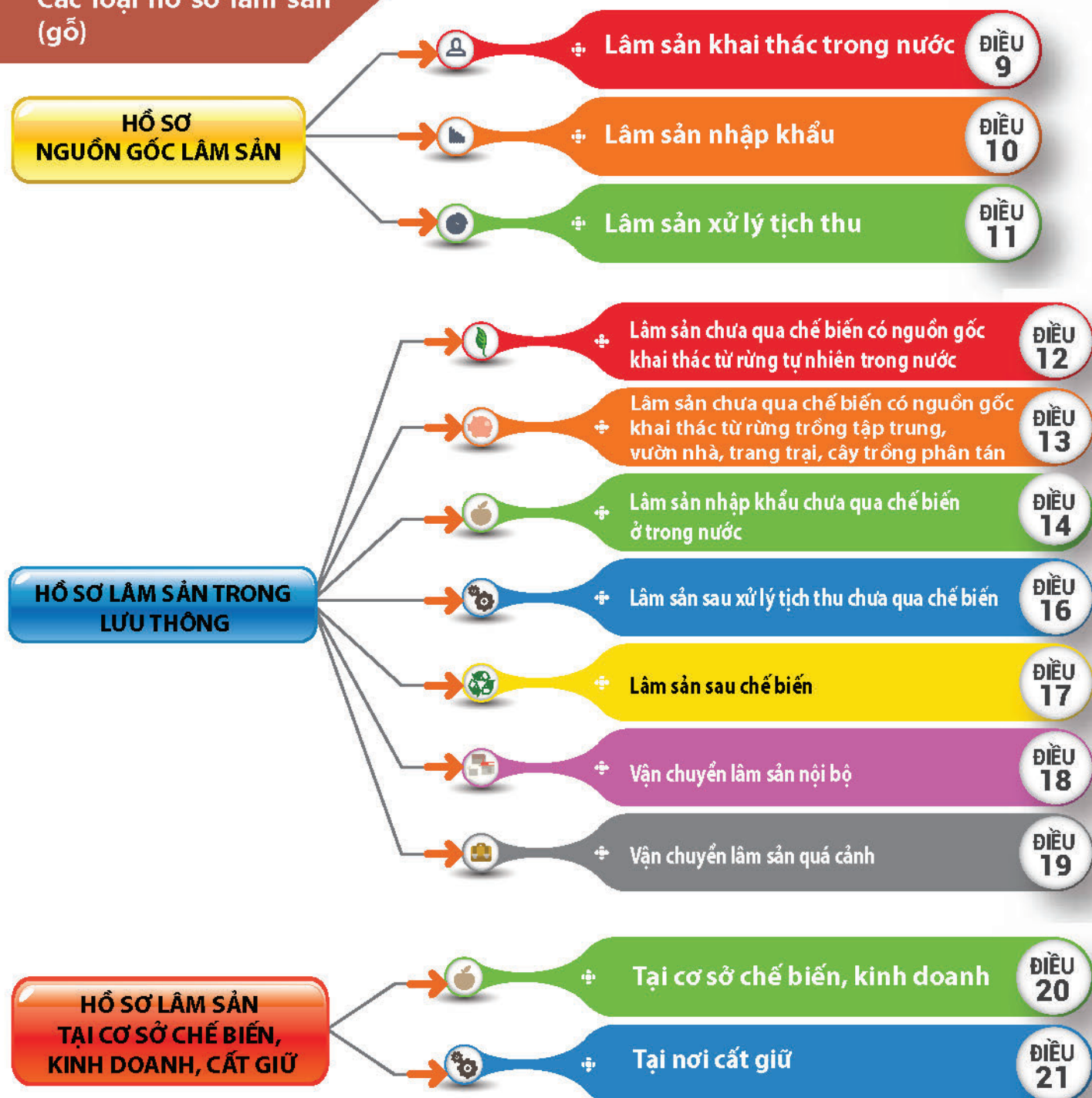


4.2

THẾ NÀO LÀ HỒ SƠ LÂM SẢN HỢP PHÁP?

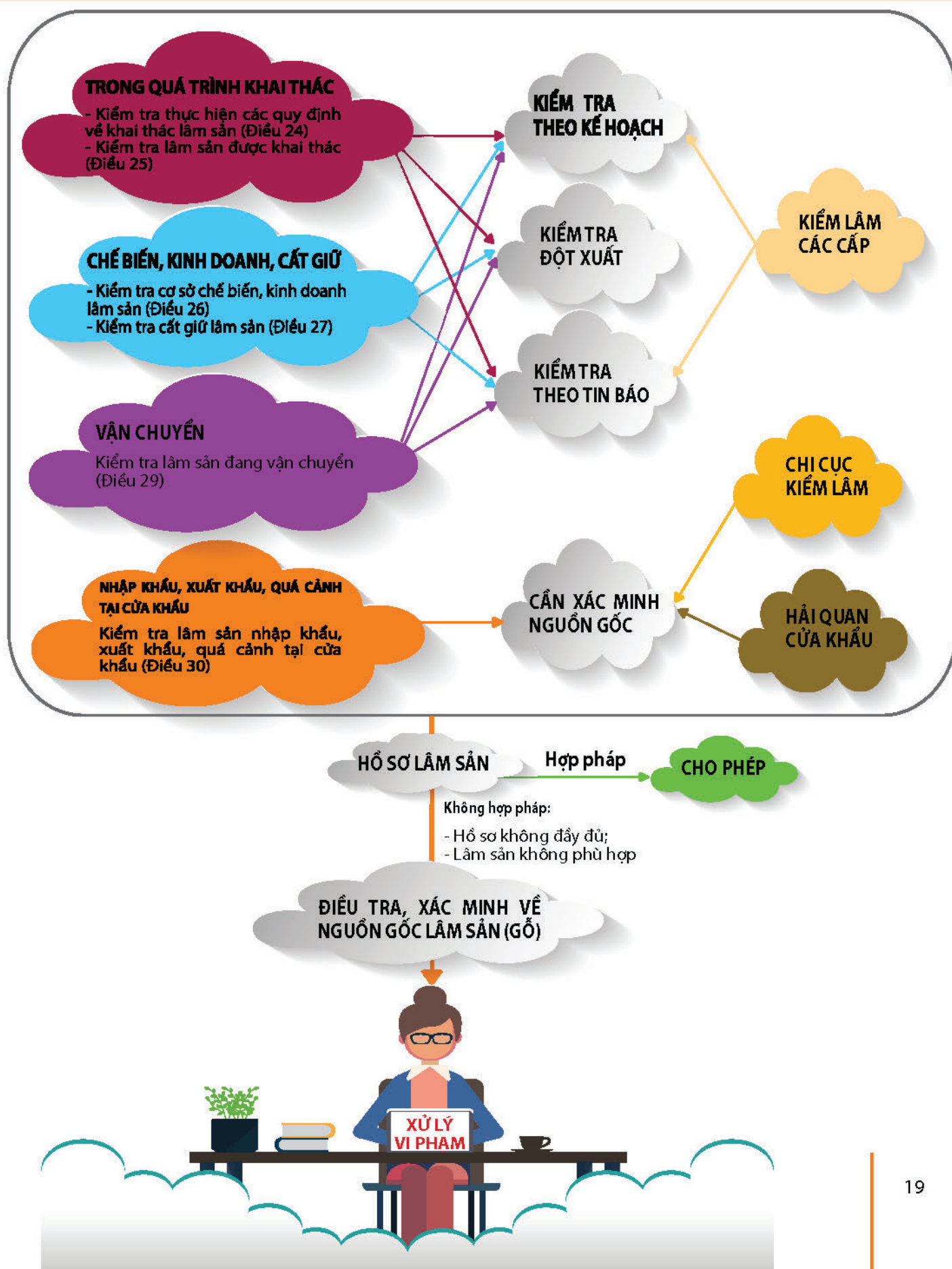
Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và việc kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

Các loại hồ sơ lâm sản (gỗ)



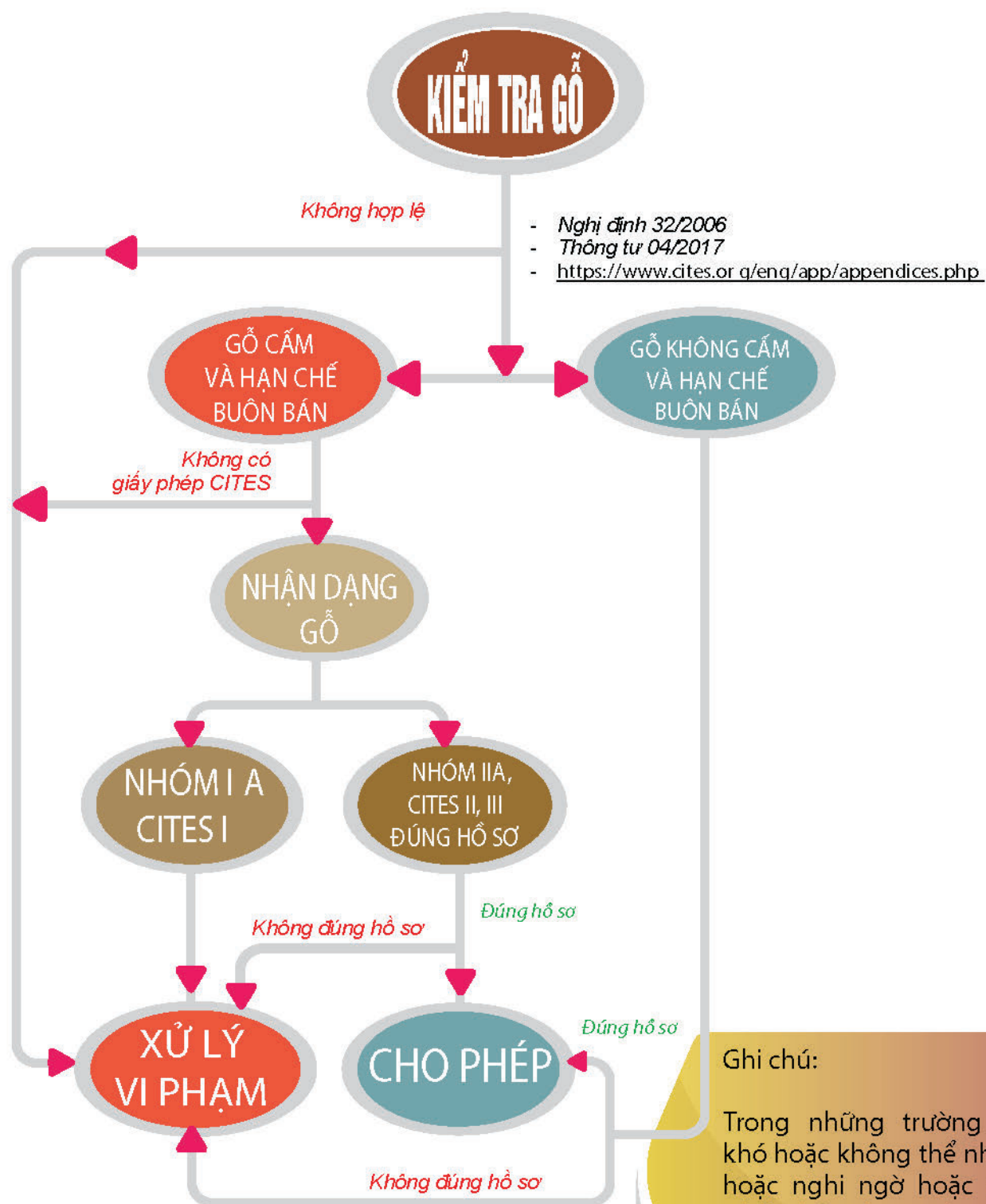
4.3

KIỂM TRA NGUỒN GỐC LÂM SẢN (GỖ) NHƯ THẾ NÀO?



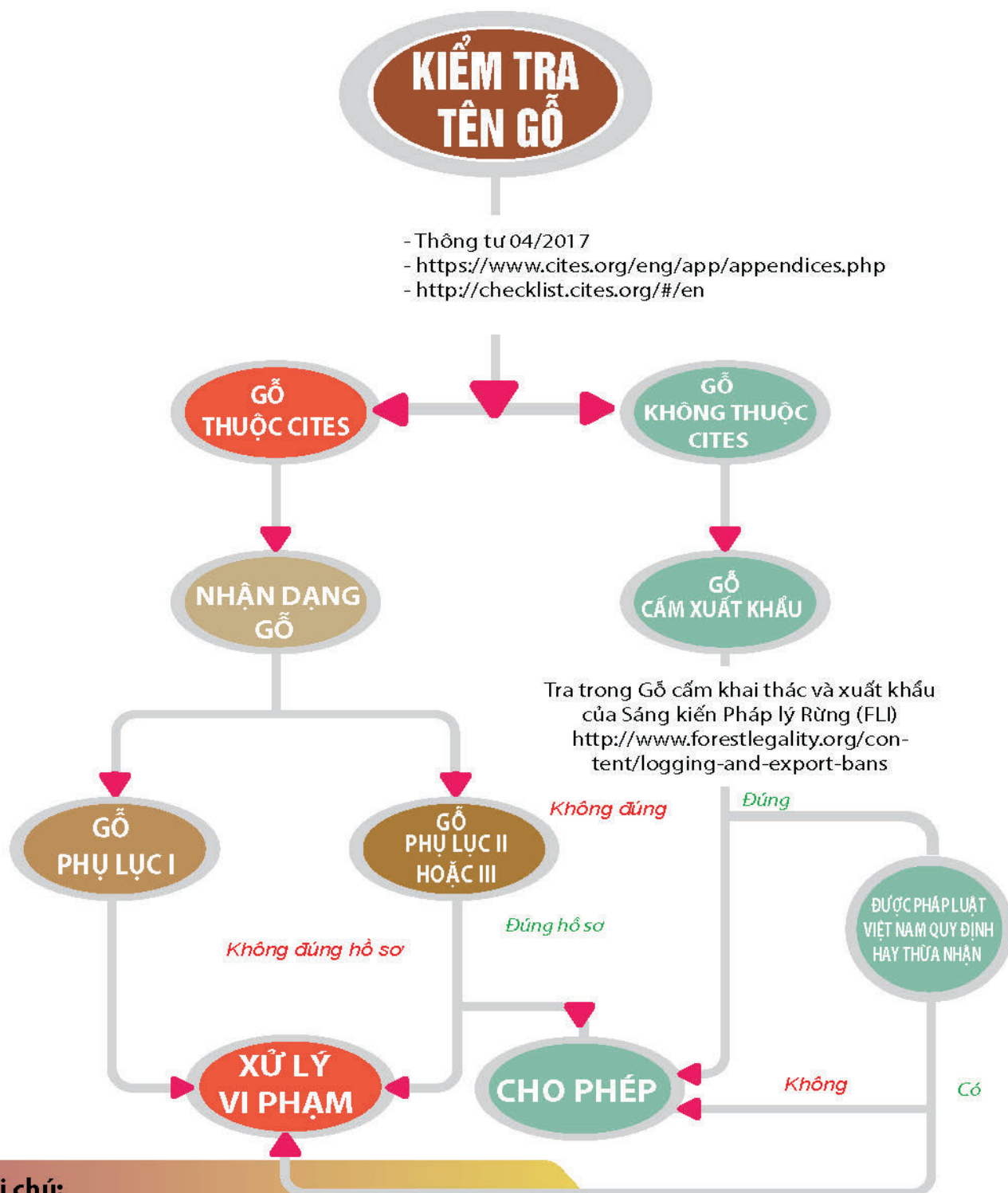
4.4

KIỂM TRA GỠ TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM



4.5

KIỂM TRA GỠ NHẬP KHẨU TẠI CỬA KHẨU



4.6

TRƯNG CẦU CƠ QUAN CÓ CHỨC NĂNG GIÁM ĐỊNH

Gửi mẫu giám định

Khi các đơn vị chuyên trách ở các địa phương đã xác định chắc chắn được hết các chủng loại, số lượng, khối lượng gỗ được kiểm tra và cần phải có thêm kết quả giám định của chuyên gia để xử lý vi phạm, có thể tiến hành lập biên bản lấy mẫu đại diện gửi đến cơ quan có chức năng giám định.

Trưng cầu giám định tại hiện trường

Khi số lượng chủng loại, khối lượng gỗ nhiều hoặc không thể lấy mẫu và việc xử lý vi phạm có tính phức tạp, cần trưng cầu cơ quan có chức năng giám định để giám định tại chỗ.

Các cơ quan khoa học CITES Việt Nam có chức năng giám định nêu tại mục 3.

4.7

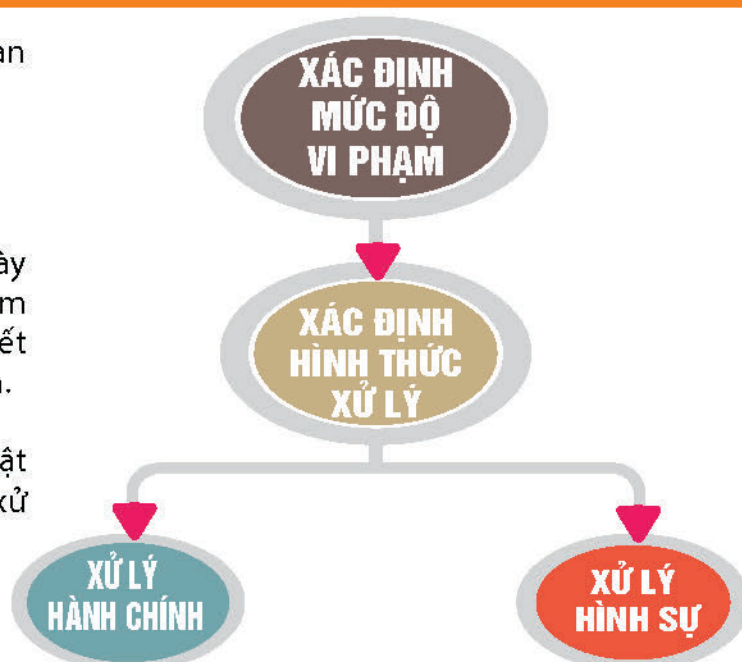
XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính ban hành ngày 02/7/2012.

Hướng dẫn chi tiết tại:

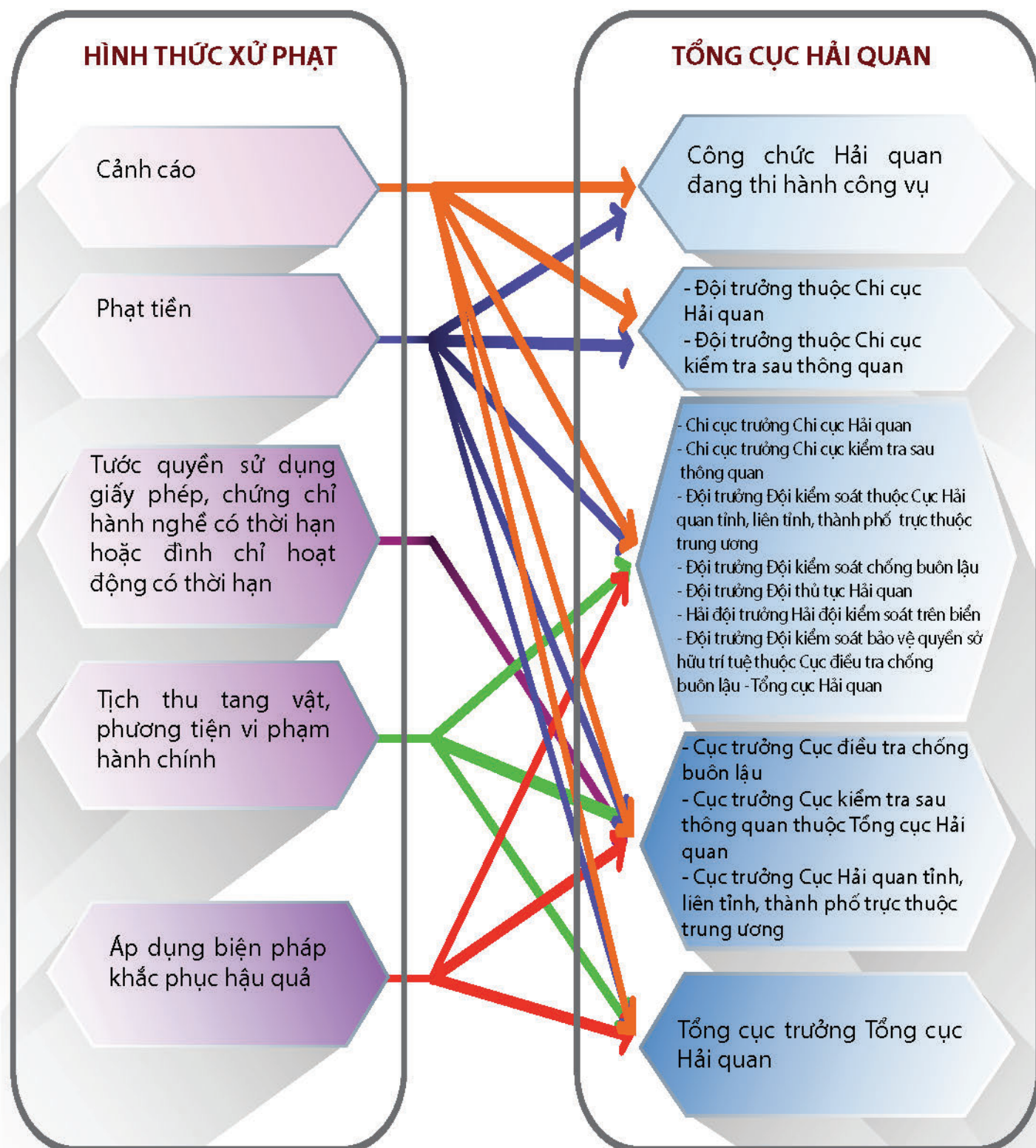
- Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 về quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Hành vi vi phạm gây hậu quả mà tang vật là thực vật rừng nhóm IA vượt quá mức xử phạt vi phạm hành chính;



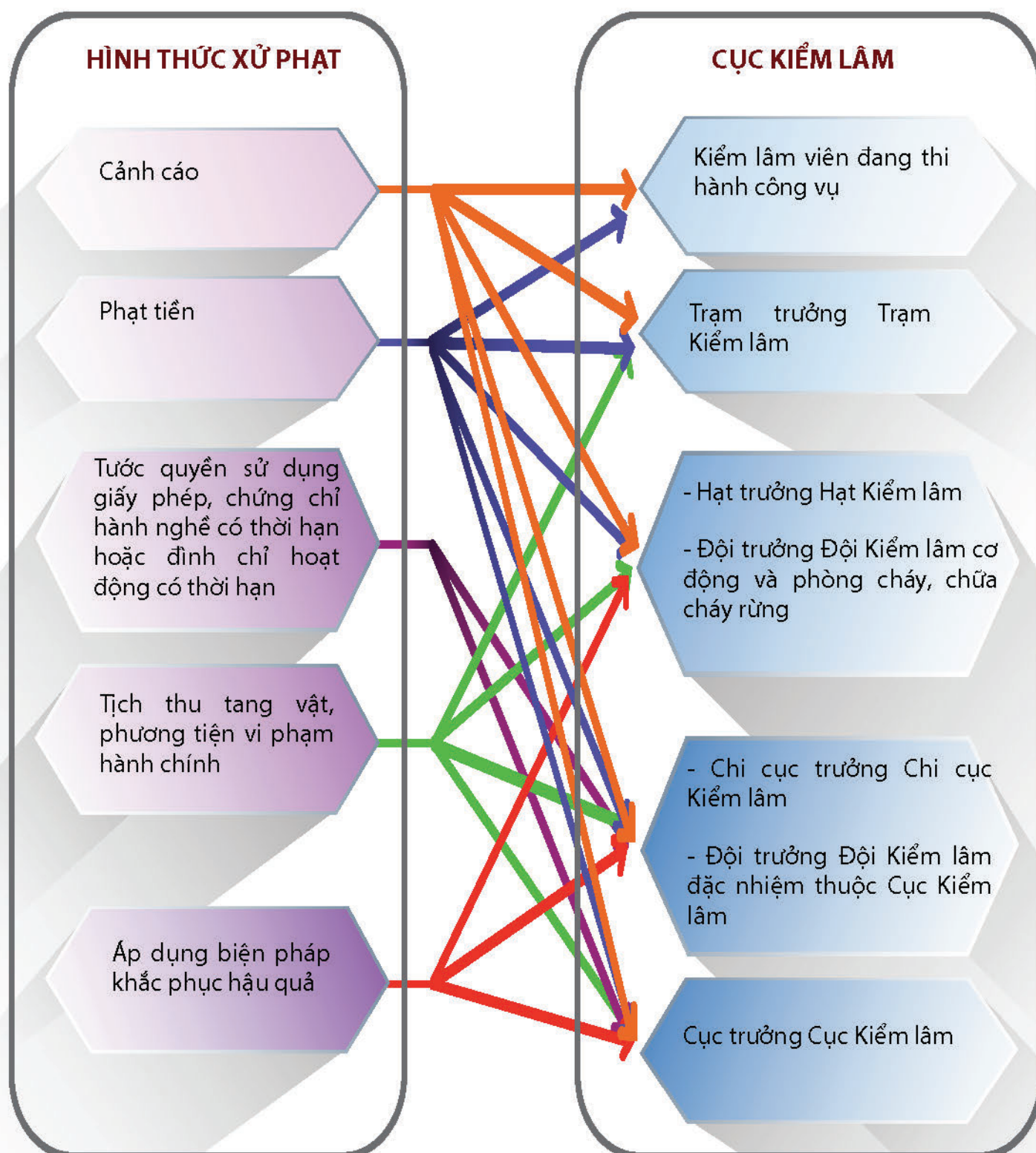
CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THẨM QUYỀN CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN

Quyết định về hình thức xử phạt và thẩm quyền xử phạt tùy theo mức độ vi phạm được quy định cụ thể trong Nghị định 127/2013/NĐ-CP.



CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THẨM QUYỀN CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN

Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 về quy định xử phạt hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.



4.8

HÀNH VI VI PHẠM ĐƯỢC XEM XÉT ĐỂ TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ



Hành vi vận chuyển, buôn bán gỗ trái pháp luật vượt quá mức xử phạt vi phạm hành chính tối đa.



Khai thác, vận chuyển, buôn bán trái pháp luật gỗ quý, hiếm, gỗ thông thường, trong đó khối lượng mỗi loại gỗ không vượt quá mức tối đa quy định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng tổng khối lượng các loại gỗ vi phạm:



Nhóm
IA và nhóm IIA,
Hoặc nhóm IA và gỗ
thông thường, Hoặc cả
nhóm IA, IIA và gỗ thông
thường đã vượt quá mức
tối đa quy định xử phạt vi
phạm hành chính đối
với gỗ nhóm IIA.

Nhóm
IIA và gỗ
thông thường
vượt quá mức tối đa
quy định xử phạt vi
phạm hành chính
đối với gỗ thông
thường.



Đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại tiếp tục vi phạm lại.

4.9

ĐIỀU TRA HÌNH SỰ CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN VÀ KIỂM LÂM

Theo Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự ngày 26/11/2015.

Hải quan (Điều 33)

Kiểm lâm (Điều 34)

Người có
nhiệm vụ và
quyền hạn



- Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu
- Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan
- Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu

- Cục trưởng Cục Kiểm lâm
- Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng
- Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm
- Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm

Tội phạm ít
nghiêm trọng
trong trường
hợp phạm
tội quả tang,
chứng cứ và
lại lịch người
phạm tội
rõ ràng



Thời hạn: 1 tháng

Quyết định khởi tố vụ án hình sự

Khám người, khám nghiệm hiện trường / khám nơi cất giữ hàng hóa trong khu vực kiểm soát của Hải quan

Trưng cầu giám định khi cần thiết

Kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền

Lấy lời khai

Thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan

Khởi tố bị can

Tiến hành các biện pháp điều tra khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

Tội phạm
nghiêm trọng,
rất nghiêm
trọng, đặc biệt
nghiêm trọng
hoặc tội phạm
ít nghiêm trọng
nhưng phức tạp



Thời hạn: 07 ngày

Quyết định khởi tố vụ án hình sự

Khám người, khám nghiệm hiện trường / khám nơi cất giữ hàng hóa trong khu vực kiểm soát của Hải quan

Chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền

Lấy lời khai

Thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan

5 HƯỚNG DẪN NHẬN DẠNG GỖ

5.1 MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ SỬ DỤNG TRONG NHẬN DẠNG GỖ

1 Gỗ cây lá kim:

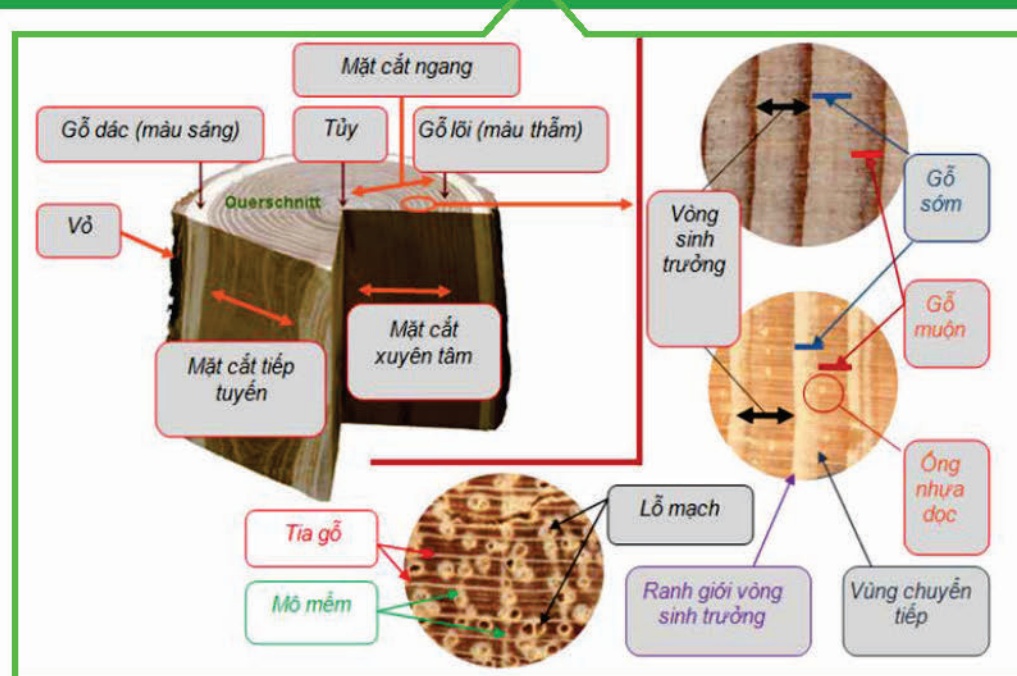
Gỗ của loài cây thuộc ngành hạt trần hay thực vật không có hoa (đa số loài cây này có lá hình kim). Gỗ này không có mạch gỗ.

2 Gỗ cây lá rộng:

Gỗ của loài cây thuộc ngành hạt kín hay thực vật có hoa. Gỗ này bao giờ cũng có mạch gỗ.

3

Các đặc điểm gỗ có khả năng quan sát được trên các mặt cắt:



4 Mặt cắt ngang:

Mặt cắt vuông góc với thớ gỗ hoặc trục dọc của cây.

5 Mặt cắt tiếp tuyến:

Mặt cắt song song với thớ gỗ và tiếp tuyến với vòng sinh trưởng.

6 Mặt cắt xuyên tâm:

Mặt cắt song song với thớ gỗ và theo đường kính hay tia gỗ.

7 Gỗ dác và gỗ lõi:

Trên mặt cắt ngang thân cây của nhiều loại gỗ, phần gỗ dác thường gồm vài vòng sinh trưởng ngoài cùng, có màu nhạt hơn phần gỗ lõi bên trong thân cây gỗ.

8 Vòng năm:

Lớp gỗ được hình thành trong một năm sinh trưởng của cây gỗ.

9

Vòng sinh trưởng:

Lớp gỗ hình thành trong một chu kỳ sinh trưởng của cây gỗ. Trong một số trường hợp vòng sinh trưởng cũng là vòng năm khi chu kỳ sinh trưởng của cây là một năm.

11

Màu của gỗ:

Màu của gỗ khô mới xẻ được quan sát bằng mắt thường dưới ánh sáng tự nhiên.

13

Mùi gỗ đặc trưng:

Mùi của loại gỗ khô khi mới xẻ đặc trưng cho loài. Các loại gỗ trong chi Long não (*Cinnamomum*), chi Hoàng đàn (*Cupressus*), gỗ Giáng hương (*Pterocarpus macrocarpus*), gỗ Sưa (*Dalbergia tonkinensis*)... có mùi thơm đặc trưng.

15

Độ nặng và độ cứng của gỗ:

Gỗ khô trong không khí có khối lượng riêng nhỏ hơn 0,48 g/cm³ đối với gỗ cây lá kim và nhỏ hơn 0,65 g/cm³ đối với cây lá rộng.

Trong nhận dạng gỗ, có thể không có điều kiện để xác định khối lượng riêng của gỗ, nên có thể dùng móng tay bấm vào gỗ, nếu gỗ có vết lõm thì được coi là gỗ mềm và nhẹ (áp dụng cho gỗ lá kim và gỗ cây lá rộng).

10

Ranh giới vòng sinh trưởng:

Nơi tiếp giáp của gỗ hai mùa sinh trưởng liên tiếp.

12

Sọc màu của gỗ:

Những vết màu khác với màu gỗ và kéo dài theo chiều dọc thớ tạo thành vân màu trên mặt cắt tiếp tuyến, thường thấy ở một số loại gỗ Trắc (*Dalbergia* spp.).



Sọc màu đen trên mặt tiếp tuyến gỗ Trắc (*Dalbergia cochinchinensis*)

14

Thớ gỗ:

Do sắp xếp của tế bào gỗ tạo ra. Khi chẻ tách dọc theo hướng xuyên tâm dễ và mặt chẻ tương đối phẳng thì được coi là gỗ có thớ thẳng. Ngược lại chẻ khó, mặt chẻ lượn sóng thì được coi là gỗ có thớ lệch.

16

Gỗ sớm và gỗ muộn:

Gỗ sớm: Phần gỗ sinh ra vào thời kỳ đầu mùa sinh trưởng trong mỗi vòng sinh trưởng hoặc vòng năm, thường có màu nhạt.

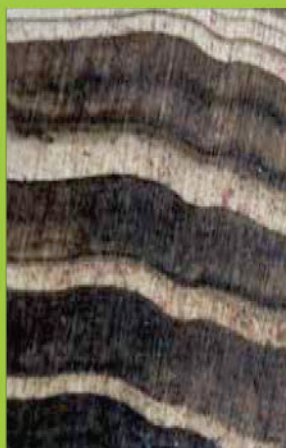
Gỗ muộn: Phần gỗ sinh ra vào thời kỳ cuối mùa sinh trưởng trong mỗi vòng sinh trưởng hoặc vòng năm, thường có màu sẫm hơn gỗ sớm.

17

Chuyển tiếp từ gỗ sớm sang gỗ muộn:

Trong một vòng sinh trưởng, khi ranh giới giữa phần gỗ sớm và gỗ muộn khác biệt về màu sắc rõ rệt được gọi là chuyển tiếp đột ngột.

Khi ranh giới này khó xác định hay không rõ thì được gọi là chuyển tiếp dần dần.



Chuyển tiếp đột ngột
Thông nước
(*G. pensilis*)



Chuyển tiếp từ từ
Pơ mu
(*Fokienia hodginsii*)



Chuyển tiếp
đột ngột và cả
từ Sa mu đầu
(*C. konishii*)

18

Ống dẫn nhựa dọc:

Đặc điểm này chủ yếu ở gỗ cây lá kim. Ống dẫn nhựa nằm dọc thân cây, như gỗ của các loại gỗ chi Thông nhựa (*Pinus*).

20

Mô mềm dọc:

Mô mềm là tổ chức tế bào dự trữ dinh dưỡng khi cây còn sống.

Ở gỗ cây lá kim, mô mềm xếp dọc rất ít, nhiều loại gỗ không có. Mô mềm dọc có thể quan sát được bằng kính lúp do nó chứa chất có màu, thường là nâu đỏ. Tùy theo sắp xếp của mô mềm dọc phân chia thành:

- Mô mềm dọc phân tán rải rác trong vòng năm.
- Mô mềm dọc tập hợp thành vòng song song với vòng năm.

Ở gỗ cây lá rộng, mô mềm dọc nhiều hơn hẳn, sắp xếp đa dạng, tạo nên những đặc trưng cấu tạo rõ rệt (thuật ngữ từ 36 đến 49).

19

Độ tương phản thớ gỗ:

Đặc điểm này của gỗ cây lá kim. Mức độ sắc nét về màu gỗ sớm và gỗ muộn. Nếu sự khác biệt về màu của gỗ sớm và gỗ muộn trong một vòng sinh trưởng không sắc nét mà đơn điệu, dần dần, được coi là độ tương phản thớ gỗ thấp và ngược lại màu gỗ sớm và gỗ muộn rất khác nhau, tạo ra tương phản rõ rệt được gọi là độ tương phản thớ gỗ cao.



Trái : Mô mềm dọc (chấm đen)
phân tán trong vòng sinh trưởng
Bách vàng
(*X. vietnamensis*)



Phải : Mô mềm dọc (chấm đen)
thành vòng song song với vòng ST
Pơ mu (*F. hodginsii*)

21

Mạch gỗ hay lỗ mạch:

Mạch gỗ: Tổ chức của nhiều tế bào hình ống nối tiếp nhau thành những ống dài liên tục theo chiều dọc thân cây.

Lỗ mạch: Lỗ hình tròn, hình bầu dục hoặc hình đa giác của mạch gỗ thể hiện trên mặt cắt ngang (Hình dạng mặt cắt ngang của mạch gỗ).

Trong mô tả cấu tạo gỗ, thường dùng “mạch gỗ” tương tự như “lỗ mạch”.

22

Lỗ mạch nhỏ:

Lỗ mạch được coi là nhỏ khi rất khó thấy rõ được bằng mắt thường.

23

Gỗ mạch vòng:

Trong một vòng năm, mạch gỗ ở phần gỗ sớm có đường kính lớn hơn mạch gỗ ở phần gỗ muộn. Mạch gỗ ở phần gỗ sớm xếp thành vòng và đường kính mạch thay đổi đột ngột giữa gỗ sớm và gỗ muộn.

24

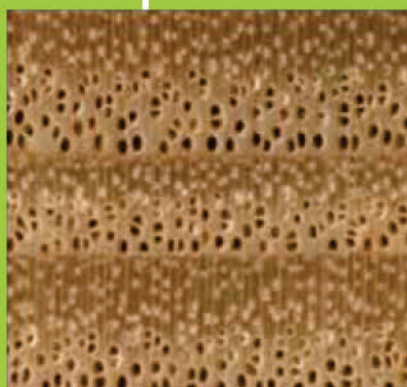
Gỗ mạch phân tán:

Trong cả một vòng năm, mạch gỗ có đường kính tương tự nhau.

25

Gỗ mạch nửa vòng:

Mạch gỗ ở phần gỗ sớm lớn hơn mạch gỗ ở phần gỗ muộn của năm trước đó nhưng sự biến đổi này từ từ trong cùng một vòng năm. Hoặc gỗ có vòng năm rõ ràng, mạch gỗ ở phần gỗ sớm và gỗ muộn không khác nhau nhiều.



Mạch gỗ xếp vòng Tân bì (*Fraxinus excelsior*)



Mạch gỗ xếp phân tán Đinh (*Markhamia stipulata*)



Mạch gỗ xếp nửa vòng Butternut (*Juglans cinerea*)

26

Lỗ mạch đơn:

Trên mặt cắt ngang, mỗi lỗ mạch đơn độc một mình.

27**Lỗ mạch đơn độc:**

Khi quan sát trên mặt cắt ngang thấy có trên 90 % số lỗ mạch là lỗ mạch đơn.

28**Lỗ mạch kép ngắn:**

Có dưới 4 lỗ mạch nằm sát nhau, vách chung hay các mạch ở giữa thường bị ép dẹp. Trên mặt cắt ngang có hình giống một lỗ mạch được chia thành nhiều ngăn, thường xếp theo hướng xuyên tâm.

30**Lỗ mạch xếp thành những dãy xuyên tâm và / hoặc lệch.****31****Lỗ mạch xếp thành những dải tiếp tuyến hoặc lượn sóng.****32****Lỗ mạch xếp thành cụm:**

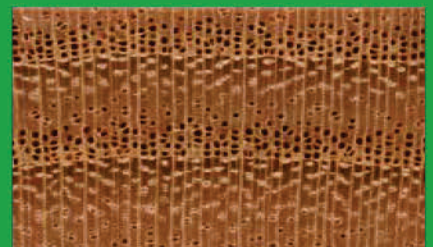
Những lỗ mạch nằm sát nhau có vách chung theo hướng xuyên tâm và tiếp tuyến.



Mạch gỗ xếp thành dãy xuyên tâm hoặc lệch Jarrah (*Eucalyptus marginata*)



Mạch gỗ xếp thành dãy tiếp tuyến Elm (*Ulmus spp.*)



Mạch gỗ xếp thành cụm Coffeetree

33**Lỗ mạch có hai loại kích thước phân biệt rõ rệt, gỗ không mạch vòng.****29****Lỗ mạch kép dài xuyên tâm:**

Mạch kép có từ 4 mạch trở lên tạo thành.



Lỗ mạch đơn



Lỗ mạch kép



Lỗ mạch đơn và kép ở gỗ Lim xanh (*E. fordii*)

34

Thể bít:

Thể bít giống như túi hơi phát triển vào trong lỗ mạch. Trong nhiều trường hợp màng bít toàn bộ lỗ mạch của gỗ lõi.

36

Mô mềm:

Mô mềm dọc.

37

Mô mềm dính mạch bao tròn quanh mạch :

Tế bào mô mềm tụ hợp quanh mạch đơn hoặc mạch kép thành hình tròn hoặc hình ô van.

38

Mô mềm dính mạch bao quanh mạch hình thoi :

Mô mềm bao quanh hoặc bao một phía của các mạch với hai bên kéo dài thành hình thoi.

39

Mô mềm dính mạch bao quanh mạch hình cánh :

Mô mềm bao quanh mạch với hai bên kéo dài thành hình cánh ngắn.

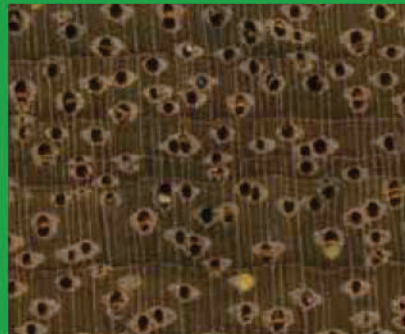
40

Mô mềm dính mạch bao quanh mạch hình cánh dài :

Mô mềm bao quanh mạch với hai bên kéo dài thành hình cánh dài.



Mô mềm vây quanh mạch
Koa



Mô mềm vây quanh
mạch hình thoi Merbau

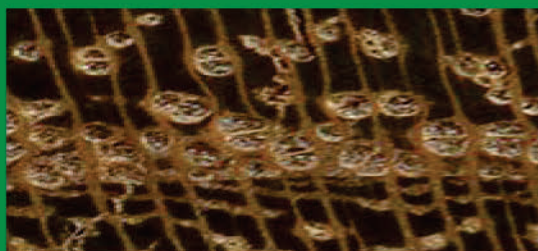


Mô mềm vây quanh mạch
hình cánh và cánh nối
tiếp Ramin

35

Chất chứa trong lỗ mạch gỗ lõi - Deposits in heartwood pores:

Nhựa hay chất tích tụ trong mạch gỗ lõi, thường có màu trắng, vàng hay nâu đỏ, đen.



Thể bít (trái) Black Locust
(*Robinia pseudoacacia*)



Chất chứa trong mạch (màu
vàng) (phải) Panga Panga
(*Millettia stuhlmannii*)

41

Mô mềm dính mạch bao quanh mạch và nối tiếp :

bao gồm các hình thức bao mạch 37, 38, 39 và 40 khi mô mềm nối các mạch lân cận với nhau.

43

Dải mô mềm tiếp tuyến liên tục.

44

Dải mô mềm tiếp tuyến gián đoạn hay không liên tục.



Dải mô mềm Narra

45

Mô mềm dạng hình thang:

Mô mềm tụ hợp thành các đường hoặc giải hẹp với khoảng cách đồng đều xếp ngang hay hình cung giữa các tia giống như thanh bậc thang.

42

Mô mềm dính mạch lệch bên:

Mô mềm bao mạch chỉ về một phía của mạch giống như hình bán nguyệt.



Mô mềm bao quanh mạch nối tiếp (trái) Marblewood



Mô mềm dính mạch lệch bên (phải) Purpleheart

46

Mô mềm dạng lưới:

Dải mô mềm có chiều rộng tương đương tia gỗ và đan với tia thành hình mạng lưới hay mạng ca rô..

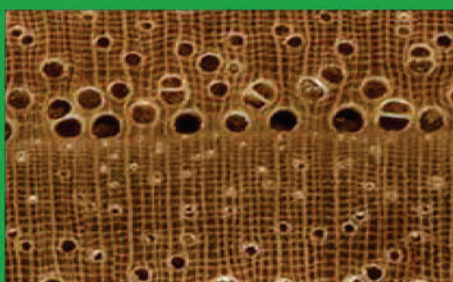
47

Mô mềm tận cùng hay gần như tận cùng:

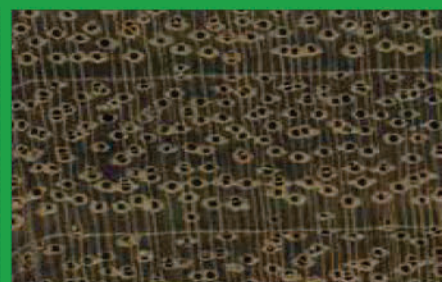
Dải mô mềm có dạng tương tự như các lớp liên tiếp với độ dày khác nhau ở ranh giới vòng năm. Ở một số loại gỗ có mạch xếp phân tán, ranh giới vòng năm không rõ, dải mô mềm tận cùng là đường chỉ định ranh giới vòng năm.



Dải mô mềm hình thang Leopardwood



Dải mô mềm hình mạng lưới Bitternut Hickory



Dải mô mềm hình tận cùng Ovangkol

48

Dải mô mềm lớn hơn bề rộng của tia.

50

Tia gỗ:

Tổ chức tế bào thành những đường dẫn dinh dưỡng giữa tủy cây, gỗ dác và tầng phân sinh. Trên mặt cắt ngang, tia là những đường chạy theo hướng từ ngoài vào trong tâm cây với khoảng cách khá đều.

51

Tia xếp tầng:

Trên mặt cắt tiếp tuyến gỗ một số loài cây lá rộng, thấy tia xếp thành hàng theo chiều ngang và thành tầng (lớp) theo chiều dọc.

53

Bề rộng của tia lớn hơn hoặc bằng bề rộng lỗ mạch.

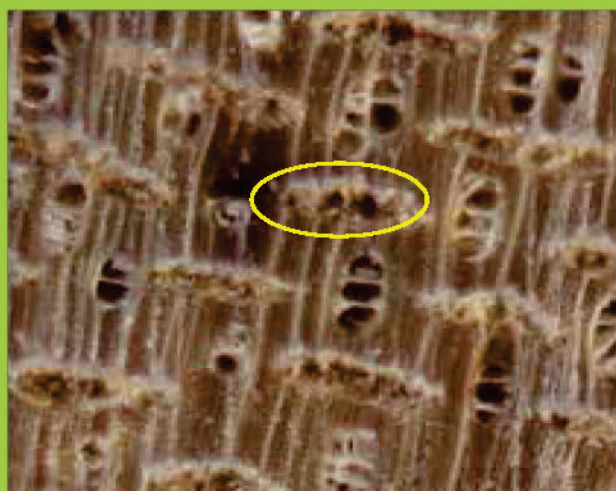
54

Màu của tia giống màu mặt gỗ.

55

Vỏ lộn trong gỗ:

Tế bào vỏ cây tụ hợp thành dải theo chiều tiếp tuyến trong phần gỗ. Đặc điểm này thấy rõ ở loại gỗ Trầm (Trầm hương) (*Aquilaria crassna*)



49

Dải mô mềm lớn hơn bề rộng lỗ mạch.

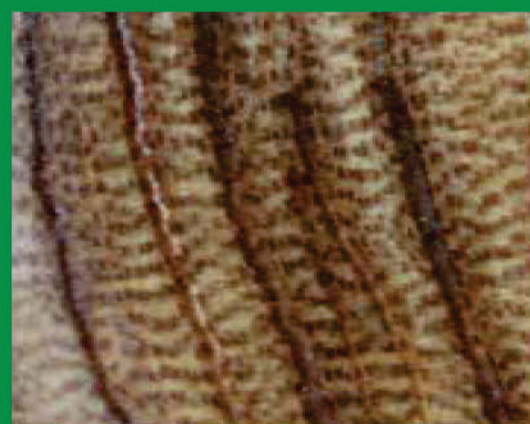


Dải mô mềm lớn hơn hoặc bằng độ rộng lỗ mạch Pheasantwood

52

Tia gỗ có nhiều độ rộng khác nhau rõ rệt:

Trên mặt cắt tiếp tuyến, tia gỗ có các kích thước khác nhau rõ rệt về cả chiều rộng và chiều cao.



Tia xếp tầng (trái) Erythrophleum fordii



Tia có nhiều độ rộng (phải) Red oak (Quercus rubra)

5.2

MẪU PHIẾU MÔ TẢ



MẪU PHIẾU MÔ TẢ GỖ CÂY LÁ KIM

		A	B
1	Dác và lõi phân biệt về màu sắc	7	
2	Vòng sinh trưởng rõ	8, 9	
3	Gỗ lõi màu vàng sáng	11	
4	Gỗ lõi màu nâu - hồng		
5	Gỗ lõi màu xám tối		
6	Gỗ có mùi thơm	13	
7	Gỗ nhẹ và mềm	15	
8	Ranh giới chuyển từ gỗ sớm sang gỗ muộn đột ngột	17	
9	Ranh giới chuyển từ gỗ sớm sang gỗ muộn từ từ		
10	Có ống nhựa dọc	18	
11	Thớ gỗ tương phản	19	
12	Mô mềm dọc phân tán	20	
13	Mô mềm dọc xếp thành vòng song song với vòng sinh trưởng		

Chú thích:

Cột A: Số thứ tự của thuật ngữ hay định nghĩa để tra khi cần tham khảo

Cột B: Đánh dấu nếu mẫu quan sát có đặc điểm này

5.2

MẪU PHIẾU MÔ TẢ

MẪU PHIẾU MÔ TẢ GỖ CÂY LÁ RỘNG

		A	B			A	B
ĐẶC ĐIỂM CHUNG				23	Chất chứa màu trắng trong lỗ mạch gỗ lõi	35	
1	Có dác và lõi phân biệt về màu sắc	7		24	Chất chứa có màu khác trong lỗ mạch gỗ lõi		
2	Vòng ST rõ	8, 9		MÔ MỀM DỤC			
3	Gỗ lõi màu sáng, vàng	11		25	MM dính mạch bao quanh mạch	37	
4	Gỗ lõi màu nâu hồng, nâu đỏ			26	MM dính mạch bao quanh mạch hình thoi	38	
5	Gỗ lõi màu xám, tối, đen			27	MM dính mạch bao quanh mạch hình cánh	39	
6	Gỗ có sọc màu	12		28	MM dính mạch bao quanh mạch cánh dài	40	
7	Gỗ có mùi thơm	13		29	MM dính mạch bao quanh mạch và nối tiếp	41	
8	Thớ gỗ lệch	14		30	MM dính mạch lệch bên	42	
9	Gỗ nặng và cứng	15		31	Dài mô mềm tiếp tuyến liên tục	43	
LỖ MẠCH GỖ				32	Dài mô mềm tiếp tuyến gián đoạn	44	
10	Lỗ mạch nhỏ	22		33	Mô mềm dạng hình thang	45	
11	Gỗ mạch vòng	23		34	Mô mềm dạng lưới	46	
12	Gỗ mạch phân tán	24		35	Mô mềm tận cùng	47	
13	Gỗ mạch nửa vòng	24		36	Dài mô mềm lớn hơn bề rộng của tia	48	
14	Lỗ mạch đơn	26		37	Dài mô mềm lớn hơn bề rộng lỗ mạch	49	
15	Lỗ mạch đơn độc	27		TIA GỖ			
16	Lỗ mạch kép ngắn	28		38	Tia xếp tầng	51	
17	Lỗ mạch kép dài xuyên tâm	29		39	Tia có nhiều bề rộng khác biệt	52	
18	Lỗ mạch thành dầy XT và / hoặc lệch	30		40	Bề rộng của tia >= bề rộng lỗ mạch	53	
19	Lỗ mạch dài tiếp tuyến hoặc lượn sóng	31		41	Màu của tia giống màu mặt gỗ	54	
20	Lỗ mạch xếp thành cụm	32		ĐẶC ĐIỂM KHÁC			
21	LM 2 loại kích thước, không vòng	33		42	Vỏ lộn trong gỗ	55	
22	Thế bit	34					

Chú thích:

Cột A: Số thứ tự của thuật ngữ hay định nghĩa để tra khi cần tham khảo

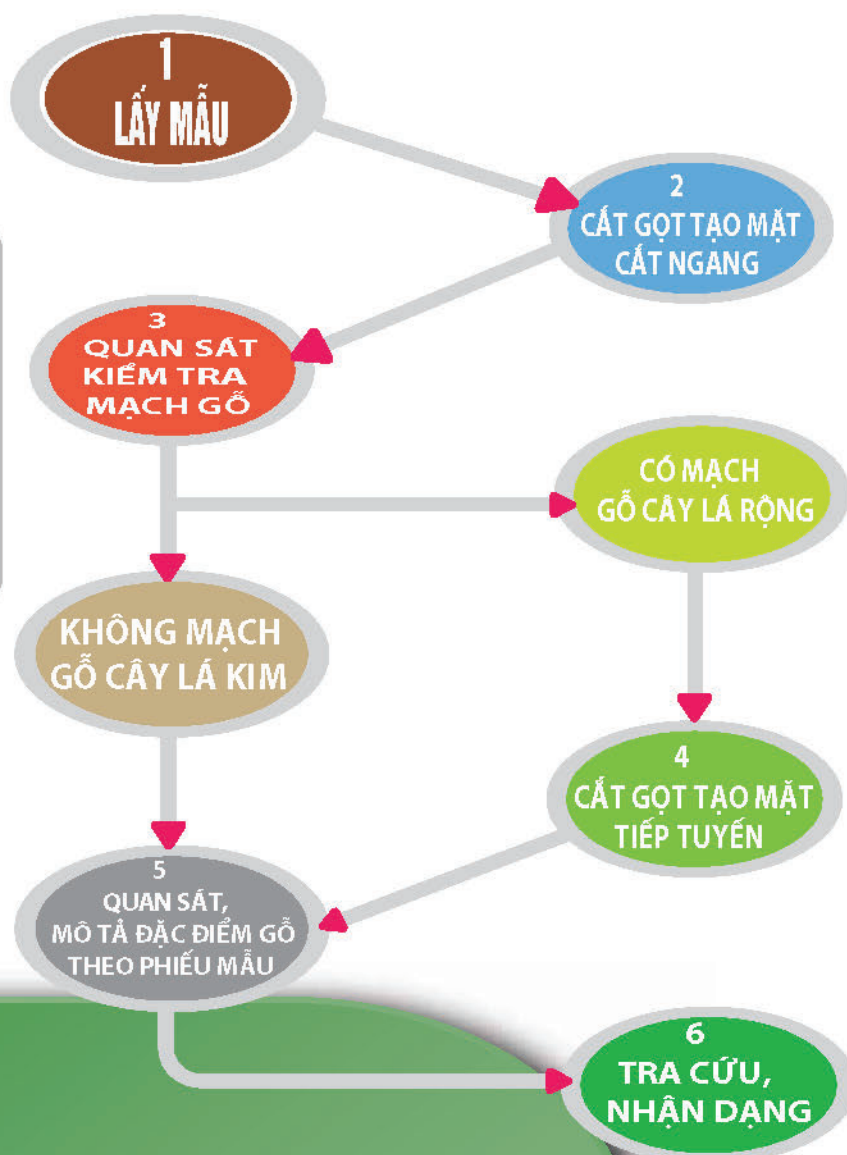
Cột B: Đánh dấu nếu mẫu quan sát có đặc điểm này

5.3

LẤY MẪU VÀ NHẬN DẠNG

A

Quy trình nhận dạng gỗ khi việc lấy mẫu không bị hạn chế



BƯỚC 1. LẤY MẪU

- 1) Không lấy mẫu ở những vị trí gỗ không bình thường (chỗ có mấu mắt, bị nấm mục, mọt, chỗ gỗ bị loạn thớ, gỗ bị dập nát).
- 2) Kích thước mẫu càng lớn càng tốt (mặt cắt ngang). Thông thường 5 cm x 5 cm and 5-10 cm chiều dọc thớ.
- 3) Lấy mẫu ở nhiều vị trí, trên nhiều khúc gỗ, tấm gỗ (nếu có thể).
- 4) Mẫu không được dập nát.
- 5) Nếu gỗ có dác, cần thiết phải lấy thêm.
- 6) Ghi ký hiệu lên mẫu hoặc bao bì.

Lưu ý:

- Cần quan sát, ghi chép lại những đặc điểm khác như gỗ có dác, vết loang của dầu nhựa trên mặt đầu gỗ, gỗ dác đã bị loại bỏ...
- Ghi chép về mùi gỗ.

5.3

LẤY MẪU VÀ NHẬN DẠNG

BƯỚC 2. TẠO MẶT CẮT NGANG

1) Dùng cưa để cắt, tạo hai mặt phẳng vuông góc với thớ gỗ về hai đầu của mẫu gỗ.

2) Dùng dao sắc để gọt nhẵn và phẳng mặt phẳng mới tạo trên mẫu. Nên gọt ở nhiều chỗ.

BƯỚC 4. TẠO MẶT PHẪNG TIẾP TUYẾN

Nếu chưa có một mặt cắt tiếp tuyến hợp lý, hãy sử dụng dao để chẻ dọc mẫu theo hướng tiếp tuyến với vòng sinh trưởng.

Dùng dao sắc gọt để tạo vài bề mặt quan sát.

BƯỚC 6. KIỂM TRA VÀ NHẬN DẠNG

1) Dùng khóa tra để tra dựa theo những đặc điểm của mẫu đã được mô tả và ghi trong phiếu mô tả.

2) Đối chiếu kết quả với bản mô tả cho loại gỗ.

3) Kiểm tra lại trên mẫu những đặc điểm còn nghi ngờ.

Nếu không có mạch
----> BƯỚC 5.

BƯỚC 3. QUAN SÁT, KIỂM TRA SỰ HIỆN DIỆN CỦA MẠCH

BƯỚC 5. QUAN SÁT VÀ MÔ TẢ DỰA THEO MẪU PHIẾU MÔ TẢ

1) Sử dụng đúng mẫu phiếu mô tả riêng cho gỗ cây lá kim và gỗ cây lá rộng.

2) Quan sát mẫu trong điều kiện đủ ánh sáng, tốt hơn là dưới ánh sáng tự nhiên.

3) Quan sát bằng mắt thường trước, rồi mới dùng kính lúp.

4) Quan sát đặc điểm trên mẫu theo thứ tự như ghi trong mẫu phiếu mô tả. Đánh dấu vào phiếu khi đặc điểm thấy đặc điểm đúng.

Lưu ý:

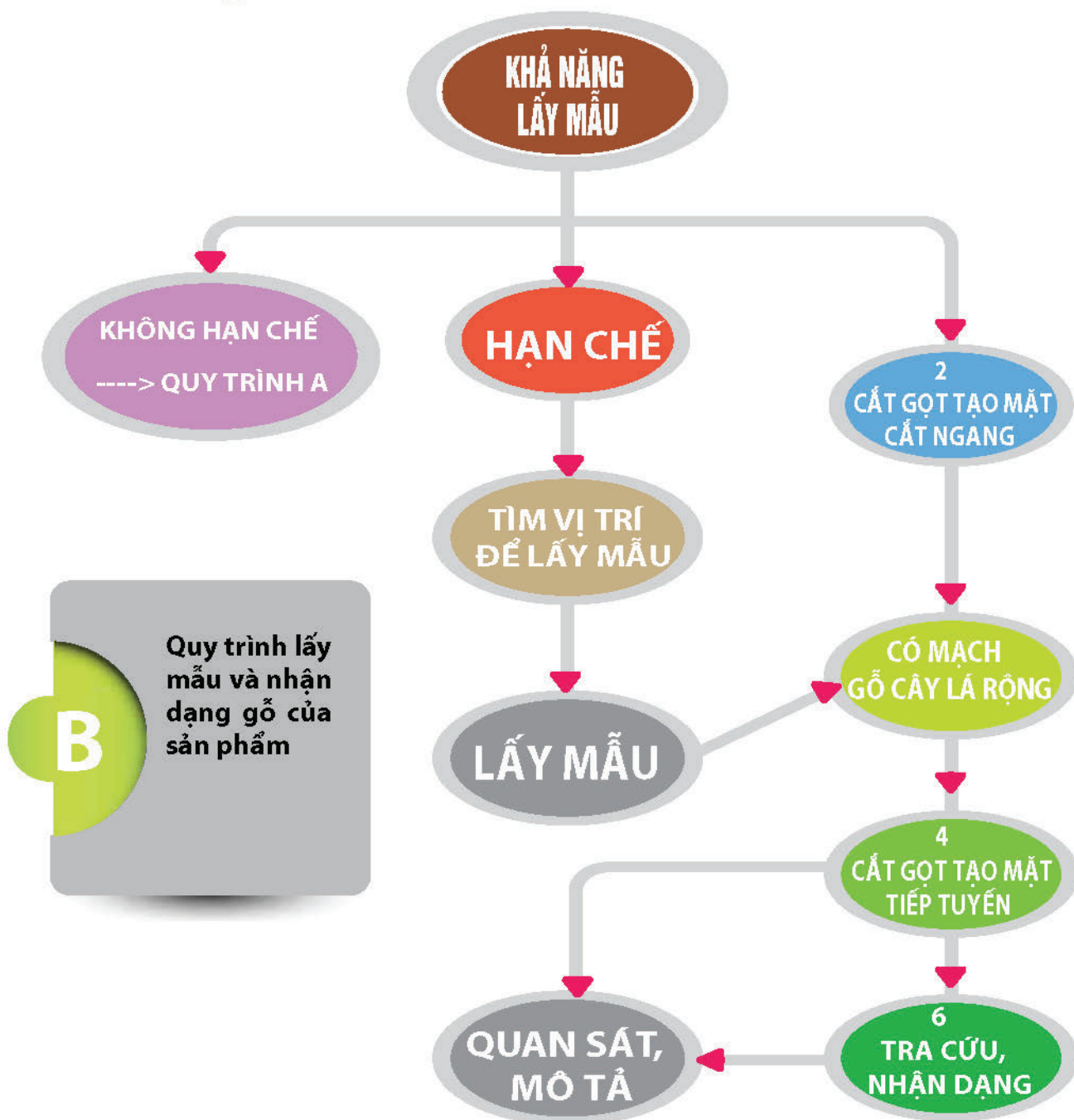
- Mẫu ướm thường kho quan sát, nên cần phải đợi cho mẫu khô.
- Đôi khi cũng cần bôi ướm lên bề mặt quan sát để thấy rõ mô mềm hay tia gỗ.
- Nếu phải kiểm tra lại mùi gỗ, hãy gọt vài lớp mỏng của mẫu theo chiều dọc.

Lưu ý:

Một số loại gỗ có mùi đặc trưng như Pơ mu *Fokienia hodginsii*, Hoàng đàn *Calocedrus macrolepis*, Vù hương *Cinnamomum parthenoxylon*, Giáng hương *Pterocarpus macrocarpus*, Sưa *Dalbergia tonkinensis*, nếu đã quen thì có thể kiểm tra, đối chiếu ngay với bản mô tả cho loại gỗ đó.

5.3

LẤY MẪU VÀ NHẬN DẠNG



Ghi chú:

- Việc lấy mẫu từ sản phẩm gỗ thường bị hạn chế hoặc không thể, nếu lấy mẫu làm ảnh hưởng đến chất lượng và giá trị của sản phẩm.
- Trong trường hợp việc lấy mẫu bị hạn chế, thường chỉ lấy được những mẫu rất nhỏ, vì thế nên lấy nhiều mẫu ở nhiều bộ phận của sản phẩm nếu có thể. Lấy mẫu thường phải dùng đục gỗ sắc.
- Trong trường hợp không lấy được mẫu quan sát từ sản phẩm, cần phải tìm ra nhiều vị trí mà có thể tạo ra mặt cắt ngang, tiếp tuyến phẳng, nhẵn. Đồng thời cần thiết phải chụp ảnh mặt gỗ vừa được quan sát để quan sát lại khi cần thiết.



Khóa tra
phân biệt gỗ
cây lá kim
và gỗ cây lá
rộng

C

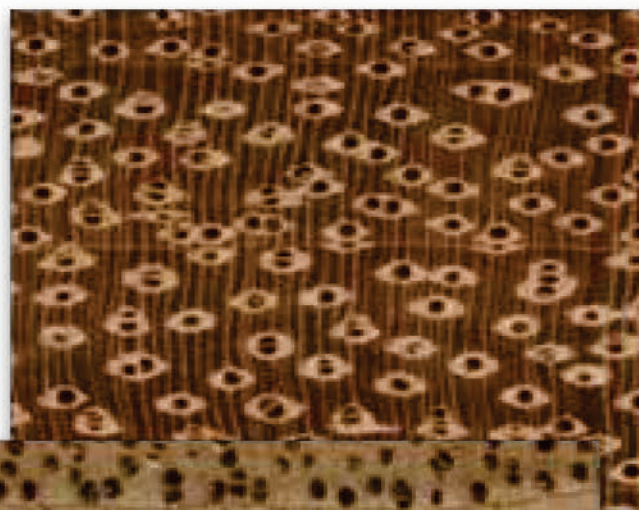
QUAN SÁT
MẶT CẮT
NGANG

KHÔNG CÓ
LỖ MẠCH

CÓ
LỖ MẠCH

Không có những lỗ nhỏ (A)
hoặc có những chấm trắng
nhỏ, nhưng rất ít (B) là ống
nhựa dọc

Có rất nhiều lỗ nhỏ gần
bằng nhau (C) hoặc có
kích thước khác nhau (D)



GỖ
CÂY LÁ KIM

KHÔNG CÓ
ỐNG NHỰA DỌC
-----> D

CÓ
ỐNG NHỰA DỌC
-----> E

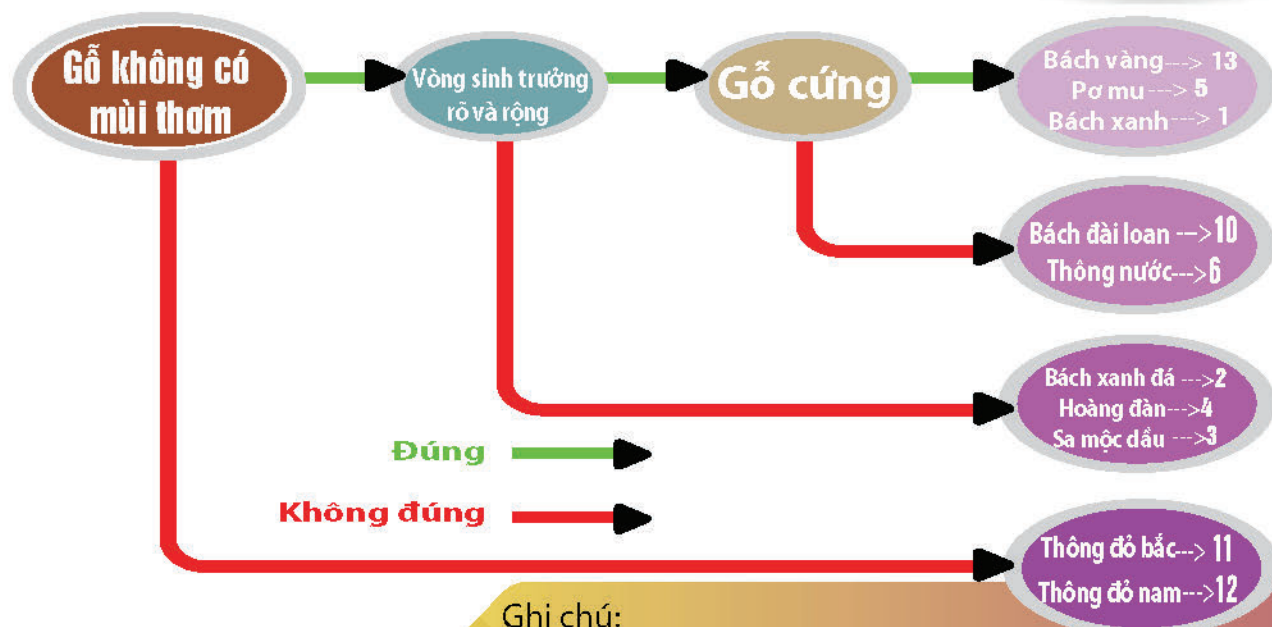
GỖ
CÂY LÁ RỘNG

TIA GỖ
XẾP TẦNG
-----> F

TIA GỖ KHÔNG
XẾP TẦNG
-----> G

**D**

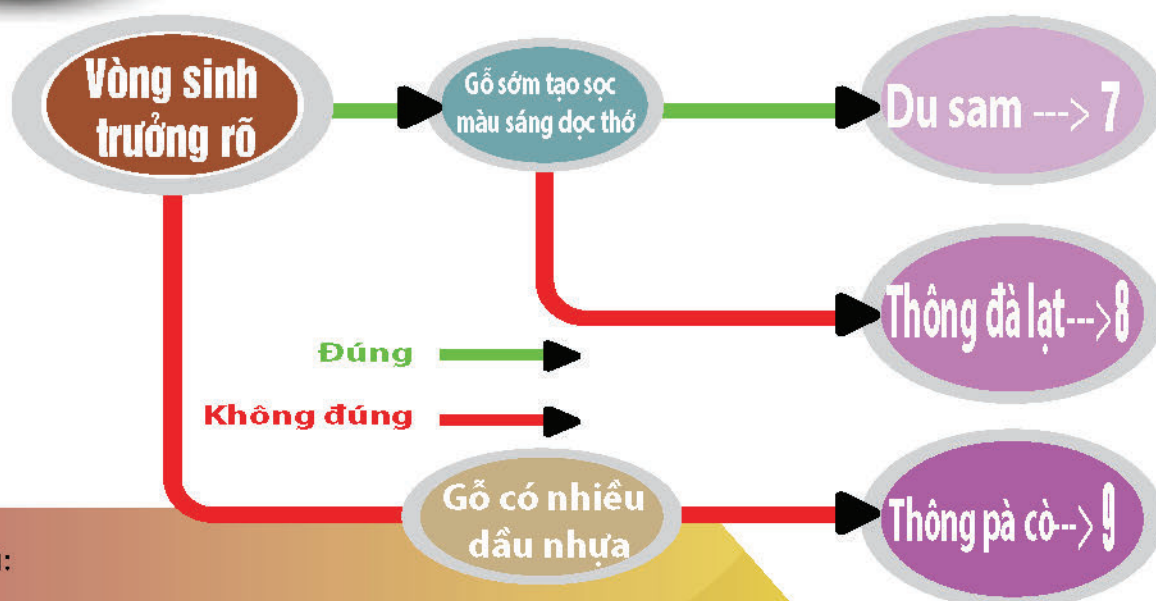
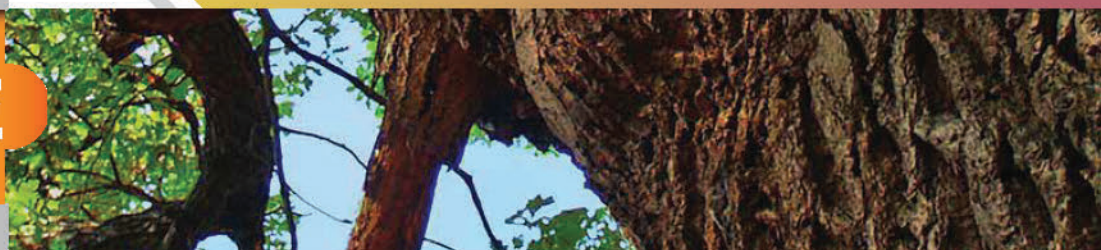
Khóa tra gỗ
cây lá kim
không có
ống nhựa
dọc



Ghi chú:

Chữ số sau tên loại gỗ chỉ số trang trong tài liệu "Bản mô tả 35 loại gỗ cấm và hạn chế thương mại ở Việt Nam", có mô tả cho loại gỗ này.

Khóa tra
gỗ cây lá
kim có
ống nhựa
dọc

E

Ghi chú:

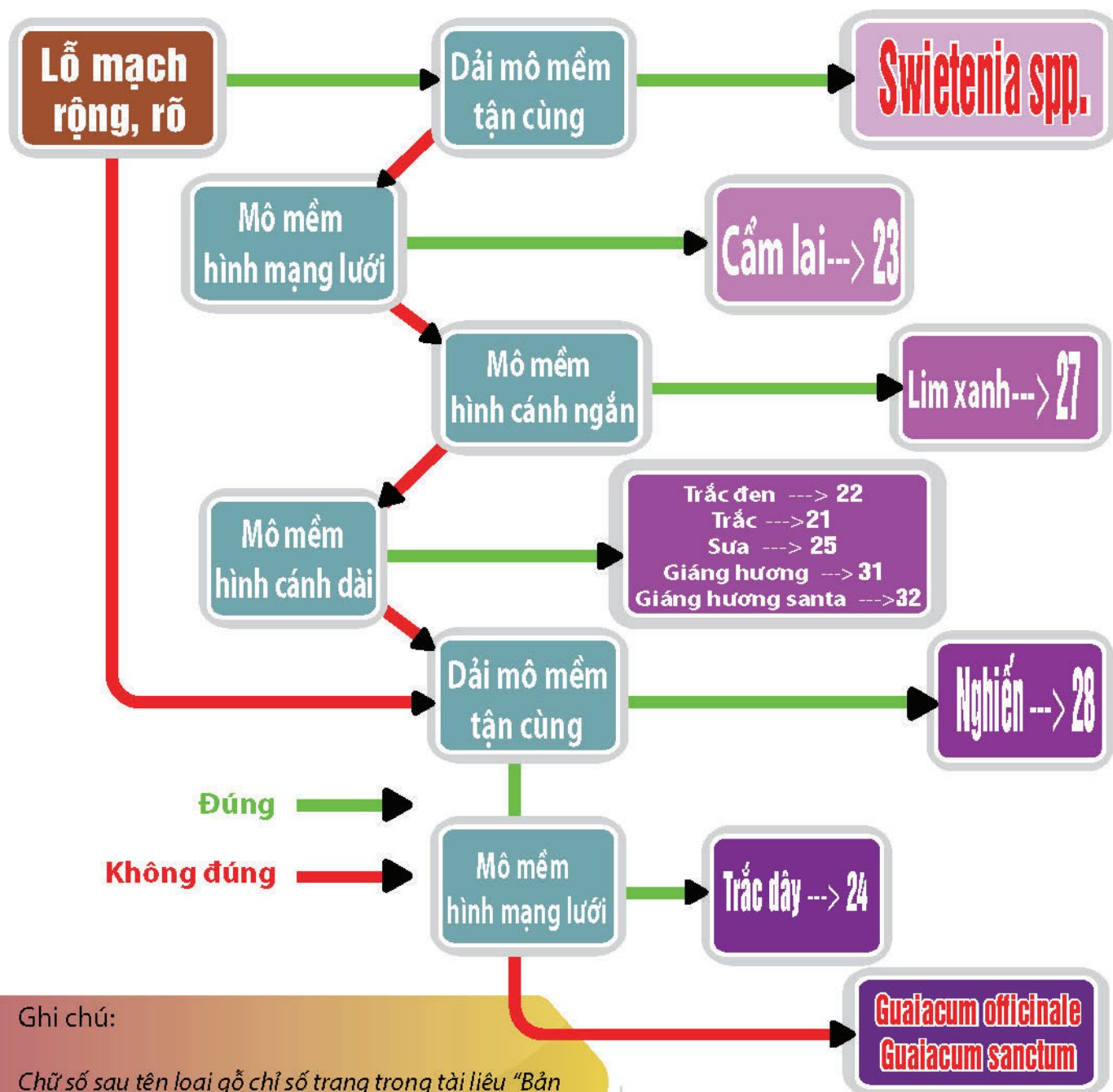
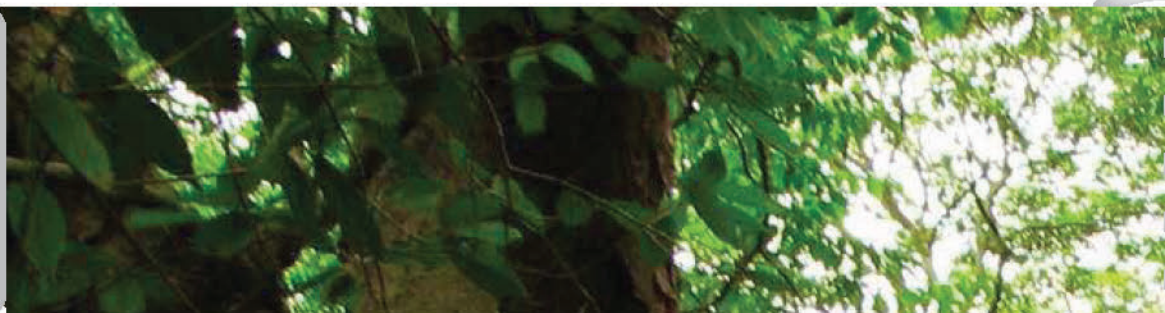
Chữ số sau tên loại gỗ chỉ số trang trong tài liệu "Bản mô tả 35 loại gỗ cấm và hạn chế thương mại ở Việt Nam", có mô tả cho loại gỗ này.

5.3

Lấy mẫu và nhận dạng

F

Khóa tra
gỗ cây lá
rộng có tia
xếp tầng



Ghi chú:

Chữ số sau tên loại gỗ chỉ số trang trong tài liệu "Bản mô tả 35 loại gỗ cấm và hạn chế thương mại ở Việt Nam" có mô tả cho loại gỗ này.

Lấy mẫu và nhận dạng

Khóa tra gỗ
cây lá rộng
không có
tia xếp
tầng

G

Mạch vòng

Lát mệhicô---> 17

Vỏ lộn trong gỗ

Trầm ---> 15

Lỗ mạch
xếp hình Z, V

Gù hương,
Vù hương,
Re xanh phần
---> 18-20

Dải mô mềm
không dính mạch

Lỗ mạch xếp dây
xuyên tâm
và (hoặc) lệch

Gỗ thánh---> 16

Dải liên tục

Lỗ mạch xếp dây
xuyên tâm
và (hoặc) lệch

**Oreomunnea
pterocarpa**

Mạch phân tán

**Caryocar
costaricense**

Dải mô mềm
lệch, lượn sóng
và mạng lưới

Mun sọc---> 26
Trai lý ---> 29

Gụ mật,
Gụ lau---> 33-34

Chỉ có mô mềm
hình cánh

Gonystylus spp.

Mô mềm hình thoi,
cánh dài và
dài tận cùng

Lỗ mạch lớn

Gỗ đỏ---> 14

Ghi chú:

Chữ số sau tên loại gỗ
chỉ số trang trong tài liệu
"Bản mô tả 35 loại gỗ
cấm và hạn chế thương
mại ở Việt Nam".có mô
tả cho loại gỗ này.

Chỉ có mô mềm
dài tận cùng

Cẩm tím---> 51

Thiết đỉnh ---> 30

Đúng

Không đúng

5.4

BẢN MÔ TẢ CẤU TẠO CHO 35 LOẠI GỖ

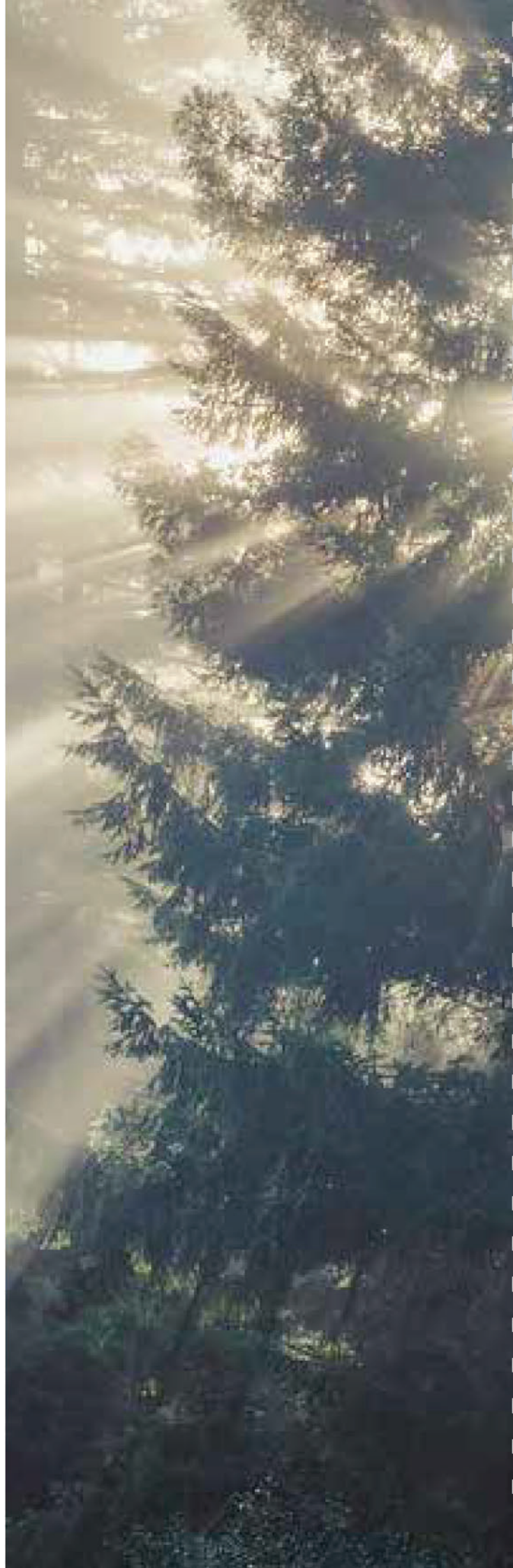
Mỗi Bản mô tả cấu tạo cho một loại gỗ và chỉ chứa thông tin cơ bản:

Thông tin về phân loại thực vật: tên gỗ tiếng Việt Nam, tên khoa học, ngành thực vật (lá kim hay lá rộng;

Thông tin về tình trạng bảo tồn: nhóm IA hoặc IIA theo Nghị định 32/2006; CI (Phụ lục I) hoặc CII (Phụ lục II) hoặc CIII (Phụ lục III) của CITES.

Thông tin về cấu tạo gỗ: gồm hình ảnh mặt cắt ngang, mặt cắt tiếp tuyến có nhãn mạnh đặc điểm quan trọng (nếu cần thiết) và phần diễn giải mô tả. Dãy số kèm theo được hiểu như là dãy mã số mô tả cấu tạo gỗ ngắn gọn nhất, thường dùng để tra cứu bằng máy tính.

Bản mô tả cấu tạo dùng để đối chiếu, xác định loại gỗ, làm tài liệu học tập và thực hành nhận dạng gỗ.



5.4

BẢN MÔ TẢ CẤU TẠO CHO 35 LOẠI GỖ

Ngành thực vật:
LK = Gỗ lá kim;
LR = Gỗ lá rộng

Tên gỗ tiếng Việt

Tên khoa họ
của gỗ

Nhóm gỗ theo ND
32/2006 hoặc TT
04/2017

Cẩm lai

Dalbergia oliveri Praln

IIA

LR

Họ thực vật: Đậu - Fabaceae
Tên thương mại: Burmese Rosewood
Phân bố: Việt Nam, Campuchia, Lào, Thái Lan
Dạng sản phẩm: Tròn, xẻ



CẤU TẠO GỖ

Dác lõi phân biệt (1); Gỗ nâu hồng, nâu đỏ (4); Gỗ có sọc màu (6); Thớ lệch (8); Gỗ nặng, cứng (9); Mạch phân tán (12); Mạch đơn (14); Mạch kép ngắn (16); Chất chứa có màu (24); Mô mềm bao mạch (25); Mô mềm cánh dài (28); MM tiếp tuyến liên tục (31); Mô mềm dạng lưới (34); Tia xếp tầng (38);



ĐẶC ĐIỂM LƯU Ý

Gỗ sử dụng được cả dác nên sản phẩm thường có vết trắng.

GỖ TƯƠNG TỰ

Trắc, Giáng hương

Khóa tra: -1-4-6-8-9-12-14-16-24-28-25-31-34-38-

Hình ảnh mặt cắt
tiếp tuyến

Hình ảnh mặt cắt
ngang

Mã tra cứu các đặc
điểm nhận dạng
của loài. Tham
khảo thi tiết tại
phần “Hướng dẫn
nhận dạng gỗ”

Bản mô tả cấu tạo cho 35 loại gỗ trong Tài liệu hướng dẫn này
được in thành một tập riêng.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Đình Hưng, 1990. Nghiên cứu cấu tạo giải phẫu gỗ một số loài cây gỗ ở Việt Nam để định loại theo các đặc điểm cấu tạo thô đại và hiển vi. Luận án tiến sĩ Nông nghiệp, Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

Vụ KHCN và Chất lượng sản phẩm – Bộ NN & PTNT, 2000. Tên cây rừng Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

Nguyễn Đình Hưng, Lê Thu Hiền, Đỗ Văn Bản, 2009. Atlas cấu tạo, tính chất gỗ và tre Việt Nam – Tập 1. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

Nguyễn Tử Kim, Nguyễn Đình Hưng, Đỗ Văn Bản, Nguyễn Tử Ưông, 2015. Atlas cấu tạo, tính chất gỗ và tre Việt Nam – Tập 2. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

Vũ Huy Đại, Tạ Thị Phương Hoa, Vũ Mạnh Tường, Đỗ Văn Bản, Nguyễn Tử Kim, 2016. Giáo trình khoa học gỗ. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

R. Wagenfuehr, Chr. Scheiber, 1985. Holzatlas. VEB Fachbuchverlag Leipzig.

Ken Ogata, Tomoyuki Fujii, Hisashi Abe, Pieter Baas, 2008. Identification of the timbers of Southeast Asia and the Western Pacific. Kaiseisha Press.

Websites:

<http://delta-intkey.com/>

<http://www.wood-database.com/>

<http://delta-intkey.com/citesw/en/>



**Tài liệu thuộc khuôn khổ dự án
“Quản lý rừng bền vững và Thương mại lâm sản có trách nhiệm”
do các tổ chức dưới đây phối hợp thực hiện:**



Dự án được tài trợ bởi:



Australian Government